

Bay cao cùng năm tháng

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ
Y TẾ HẢI DƯƠNG
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021**

MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT.....	2
TỔNG QUAN CÔNG TY	7
THÔNG TIN CHUNG	9
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	12
CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	177
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	19
CÁC RỦI RO.....	19
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG	24
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	25
DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO.....	28
NGUỒN NHÂN LỰC	35
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	36
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	38
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	40
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	41
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	42
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ	44
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI.....	45
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY	48
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	49
CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	52
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC.....	53
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	55
BAN KIỂM SOÁT	57
LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH.....	60
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ	57
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	61
THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	62
TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG	63
TIÊU THỤ NƯỚC	64
CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG	65
TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG.....	68
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN.....	Từ 70 đến 102

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Trung Việt - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính thưa Quý cổ đông và Nhà đầu tư!

Năm 2021 tiếp tục là một năm nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam chịu ảnh hưởng lớn của đại dịch Covid – 2019 xuất hiện từ cuối năm 2019, bùng phát, biến thể và tái bùng phát lần thứ 4. Nền kinh tế vẫn trong tình trạng suy thoái nghiêm trọng, nhiều doanh nghiệp bị thu hẹp sản xuất hoặc tạm ngừng sản xuất và phá sản. Đại dịch cũng làm cho nền kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn: thị trường tiêu thụ trong nước bị thu hẹp, sự sụt giảm đơn hàng xuất khẩu và khó khăn trong lưu thông hàng hóa; chi phí lưu kho, vận chuyển tăng cao.

Ngành Dược cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng đó. Các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng lớn từ những khó khăn của đại dịch:

- ✓ Nhiều lần giãn cách xã hội dẫn đến việc tổ chức công việc sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn;
- ✓ Gián đoạn, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu dẫn đến nhiều nguyên phụ liệu cho sản xuất tăng giá và khan hiếm.
- ✓ Ngoài các khó khăn chung, Công ty chúng ta còn gặp khó khăn liên quan đến thị trường cạnh tranh khốc liệt với sự tham gia của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài với hàng trăm năm kinh nghiệm đầu tư vào Việt Nam, của các doanh nghiệp trong nước ồ ạt đầu tư mở rộng SX – KD, đồng thời các vấn đề về chính sách của Ngành Dược như : chuẩn sản xuất, chuẩn quản lý... cũng có nhiều thay đổi.

Hiện nay Việt Nam là một trong những nước của khu vực có GDP tăng trưởng dương mặc dù ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 năm 2021 hết sức nặng nề hơn nhiều lần so với năm 2020 cả về con người cũng như kinh tế, tính đến tháng 9 năm 2021 GDP Việt Nam vẫn

tăng trưởng dương 1,84% tuy có giảm so với năm 2020 song vẫn được Thế giới suy tôn, khâm phục

Công ty hiện nay có 6 dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP – WHO với nhiều dạng bào chế sản phẩm, tạo nhiều việc làm cho người lao động cũng như tạo lợi nhuận cho công ty. Trước đây do công ty đầu tư tiết kiệm, nên bây giờ phải tái đầu tư và đầu tư mới cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, với công nghệ SX tiên tiến nhất. Vốn hóa của công ty hiện nay khoảng 312 tỷ, đây là con số còn khiêm tốn so với một Ngành đòi hỏi đầu tư nhiều như Ngành Dược. Quá trình tái đầu tư đòi hỏi giá trị vốn - tài sản phải lớn hơn, đến nay dự án Nhà máy mới HDPHARMA đạt chuẩn GMP WHO tại Phường Cẩm Thượng giai đoạn 1, văn phòng chi nhánh tại TP Hà Nội, đã đầu tư hoàn thành và đang trong quá đưa vào khai thác. Tuy nhiên đến hết năm 2021 việc thẩm định và cấp chứng chỉ tiêu chuẩn GMP-EU cho dây chuyền sản xuất Thuốc viên, cốm, sủi không chứa kháng sinh Betalactam vẫn chưa xong do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19, sau 2 năm bị trễ, với nhiều cố gắng và nỗ lực của HĐQT đến tháng 4/2022 Đoàn chuyên gia của EU đã chấp thuận thẩm định dây chuyền GMP EU bằng hình thức ONLINE và dự kiến trong quý 2 sẽ có giấy chứng nhận GMP EU để đưa dây chuyền đạt chuẩn EU vào hoạt động.

Từ những vấn đề nêu trên, mặc dù năm 2021 dịch bệnh bùng phát trở lại khắp nơi, biến thể khó lường, đến nay vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại và sẽ tiếp tục gây nhiều khó khăn cho nền kinh tế, nhưng HDPHARMA vẫn khẳng định tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển của Công ty đến năm 2024 trong báo cáo trình Đại hội năm 2022 và bổ sung một điểm như sau:

- ✓ Xác định việc đầu tư sản xuất theo chuẩn GMP EU là định hướng lâu dài.
- ✓ Khai thác tối ưu hóa sản xuất trên các dây chuyền hiện có để tạo ra thêm lợi nhuận, lấy thu nhập đó nuôi dự án dài hạn.
- ✓ Mở rộng ngành nghề, đăng ký sản xuất vật tư y tế, phát triển thêm những mặt hàng mỹ phẩm, vật tư y tế để tìm kiếm lợi nhuận trước mắt, nhằm đảm bảo cho công ty ổn định và phát triển.
- ✓ Chuẩn bị các điều kiện cần và đủ về nguồn vốn, về giải pháp công nghệ, danh mục và chủng loại máy móc thiết bị, mặt bằng công nghệ Để triển khai giai đoạn 2 của dự án Nhà máy mới HDPHARMA tại Cẩm Thượng, theo dự án được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư, cụ thể là xây dựng 2 dây chuyền gồm: Tiêm bột và Viên Beta Lactam.
- ✓ Hoàn thiện hệ thống kinh doanh (Kênh bán hàng OTC và ETC) toàn quốc và nâng lên một tầm mới để có thể tăng tỷ lệ doanh số hàng sản xuất, để hàng sản xuất trở thành trụ cột chính.
- ✓ Xây dựng và triển khai dự án: “Xây dựng vùng nuôi trồng, chế biến dược liệu được kiểm soát theo tiêu chuẩn GACP” tại Thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- ✓ Xây dựng dự án mở rộng qui mô nhà máy phù hợp với chuẩn quốc tế và tầm nhìn chiến lược của Ngành Dược Việt Nam cho giai đoạn tiếp theo đến năm 2030 tại Hải Dương với diện tích khoảng từ 5 – 10ha.

Kính thưa các Cổ đông và Nhà đầu tư! Khó khăn nhưng chúng ta không có con đường nào khác ngoài chuyện phải vượt qua. Tôi hi vọng các cổ đông đồng lòng để hướng tới những tầm cao mới trong tương lai. Đại diện HĐQT, Tôi cũng hứa với các cổ đông kiểm soát chặt chẽ từng đồng của Công ty để đầu tư có hiệu quả.

Cuối cùng, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc và những lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý cổ đông, các đối tác và Quý khách hàng của Công ty. Tôi cũng chân thành cảm ơn tất cả cán bộ nhân viên Công ty vì sự nỗ lực hết mình trong những năm qua. Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương đã, đang và sẽ luôn luôn phấn đấu ngày càng lớn mạnh để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị dành cho chúng tôi.

Chủ Tịch Hội đồng Quản Trị



**CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN TRUNG VIỆT**

TÂM NHÌN

Xây dựng Công ty CP Dược VTYT Hải Dương trở thành một trong những ngọn cờ đầu trong lĩnh vực Dược phẩm Việt Nam và xây dựng một hệ thống nhà máy hiện đại, liên hoàn, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO , GMP- EU và đa dạng các mặt hàng thuốc.

SỨ MỆNH

Đối với Cổ đông và Nhà đầu tư: Tạo ra giá trị cao nhất cho cổ đông, tăng cường sự minh bạch, kịp thời công khai hóa thông tin các hoạt động của Công ty đến các cổ đông và nhà đầu tư và chủ động tạo cơ hội đối thoại với nhà đầu tư.

Đối với Khách hàng: Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao mang tính ổn định và lâu dài; lắng nghe và luôn cùng cố gắng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Đối với Đối tác Kinh doanh: Duy trì, nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ lâu dài trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích của các bên tham gia nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng tốt nhất cho xã hội.

Đối với Cộng đồng Xã hội: DHD vẫn luôn thực hiện trách nhiệm đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực với mong muốn góp phần cùng xã hội nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Đối với Nhân viên: Trân trọng sự đóng góp của nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập và sáng tạo của nhân viên góp phần cho sự phát triển Công ty.

TỔNG QUAN CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG

MỘT SỐ THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

CỘT MỐC LỊCH SỬ

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHI NHÁNH CÔNG TY VÀ MỘT SỐ KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO



THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch

Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Tên tiếng Anh

HAIDUONGPHARMACEUTICAL MEDICAL
MATERIAL JOINT STOCK COMPANY

Logo



Địa chỉ trụ sở chính

Số 102, phố Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, TP. Hải
Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Giấy đăng ký kinh doanh

Số 0800011018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố
Hải Dương, cấp lần đầu ngày 04/04/2003, thay đổi lần
thứ 18 ngày 26/5/2021.

Vốn điều lệ đăng ký

119.998.880.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp

119.998.880.000 đồng

Điện thoại

0220.3853.848

Fax

0220.3853.848

Website

<http://hdpharma.vn/>

Mã cổ phiếu

DHD

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương (HDPHARMA) là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước. Kể từ khi thành lập đến nay, quá trình xây dựng và phát triển của Công ty luôn gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển của ngành Dược Việt Nam cùng với những bước thăng trầm trong tiến trình lịch sử phát triển kinh tế của đất nước. Quá trình phát triển của công ty có thể tóm lược qua những cột mốc như sau:

➤ 1961

Ủy ban hành chính tỉnh Hải Dương thành lập Quốc doanh dược phẩm.

➤ 1966

Quốc doanh dược phẩm tách thành hai đơn vị hành chính độc lập: Quốc doanh dược phẩm tỉnh Hải Hưng và xí nghiệp Dược tỉnh Hải Hưng.

➤ 1982

Quốc doanh dược phẩm Hải Hưng và Xí nghiệp Dược Hải Hưng lại được hợp nhất thành Xí nghiệp liên hợp Dược Hải Hưng.

➤ 1988

Xí nghiệp liên hợp Dược Hải Hưng đổi tên thành công ty Dược VTYT Hải Dương.

2003

Công ty Dược VTYT Hải Dương chuyển thành Công ty cổ phần Dược VTYT Hải Dương với vốn điều lệ là 10,26 tỷ đồng.

➤ 2007

Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương đổi tên giao dịch thành HDPHARMA.

➤ 2010

Công ty tăng vốn điều lệ từ 10,26 tỷ lên 30 tỷ đồng thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và cổ đông chiến lược.

➤ 2018

14/06/2018: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 14, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 60.000.000.000 đồng.

2019

Năm 2019 Công ty đã chuyển đổi 20 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu cho cổ đông. Ngày 28/10/2019: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 15, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng.

2020

Năm 2020 Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông năm 2019 theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2020 số tiền : 19.999.450.000 đồng Ngày 28/5/2020: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 17, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 99.999.450.000 đồng.

2021

Năm 2021 Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông năm 2020 theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2021 số tiền : 19.999.430.000 đồng Ngày 26/5/2021: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 18, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 119.998.880.000 đồng.

CHI NHÁNH CÔNG TY VÀ MỘT SỐ KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

HẢI DƯƠNG

Trụ sở chính Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, Thành Phố Hải Dương, Hải Dương, Việt Nam

HÀ NỘI

Văn phòng công ty và Chi nhánh Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương tại Hà Nội .Địa chỉ:Lô đất Số 01, ô D6C, khu đất đấu giá quyền sử dụng đất, Phường Xuân La , Quận Tây Hồ , Thành phố Hà Nội , Việt Nam

TUYÊN QUANG

Công ty Dược Tuyên Quang

HẢI PHÒNG

Công ty TNHH Dược phẩm Hậu Vũ; Công ty TNHH Dược phẩm Minh Nhật

DIỆN BIÊN

Công ty cổ phần Dược phẩm Điện Biên

HÒA BÌNH

Công ty TNHH Dược phẩm Hà Việt

SON LA

Công ty cổ phần Dược phẩm Dương Hồng Thúy

BẮC NINH

Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh

BẮC GIANG

Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Giang ; Công ty TNHH Dược phẩm Ngọc Đông

THÁI NGUYÊN

Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Lan ; Công ty TNHH Dược phẩm Hữu Yên

LẠNG SƠN

Nhà thuốc Thành Công

QUẢNG NINH

Công ty TNHH Hải Bình

NAM ĐỊNH

Công ty TNHH Dược phẩm Tuyên Thạc

VĨNH PHÚC

Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc ; Công ty TNHH Dược phẩm Hải Nga

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương tại TP.HCM Địa chỉ: 99 đường số 101 – TML - Phường Thạnh Mỹ Lợi - Quận 2 - TP.HCM – Việt Nam

ĐÀ NẴNG

- Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương – Chi nhánh Miền Trung.
Địa chỉ : Lô 9 – C4. KDC Hòa phát 4, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng , Việt Nam

ĐẮC LẮC

- Công ty Cổ phần Dược VTYT Đắc Lắc.

LÂM ĐỒNG

- Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng.

NINH THUẬN

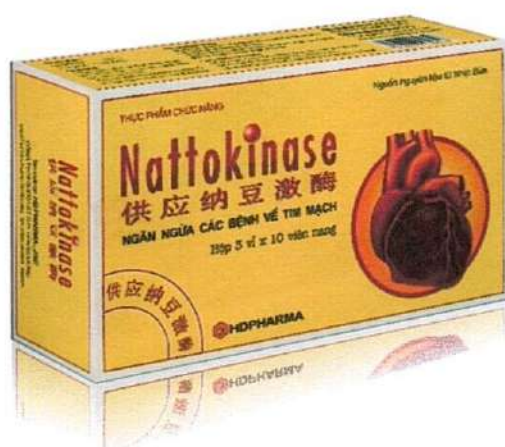
- Công ty Cổ phần Dược VTYT Ninh Thuận.

.....

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- 1 Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- 2 Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- 3 Sản xuất thực phẩm chức năng;
- 4 Sản xuất mỹ phẩm;
- 5 Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- 6 Bán buôn thực phẩm chức năng;
- 7 Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- 8 Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- 9 Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- 10 Bán buôn tinh dầu, dược liệu, kính mắt;
- 11 Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- 12 Bán lẻ thực phẩm chức năng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- 13 Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- 14 Trồng cây dược liệu;
- 15 Chăn nuôi tằm kè, rắn (được Nhà nước cho phép);
- 16 In ấn;
- 17 Dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y, dược, mỹ phẩm và thực phẩm; dịch vụ kiểm tra chất lượng dược phẩm, thực phẩm chức năng;
- 18 Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- 19 Đại lý thuốc chữa bệnh, hóa mỹ phẩm, dược phẩm chức năng, dụng cụ y tế, thiết bị y tế, kính mắt, dược liệu, tinh dầu, hóa chất;
- 20 Cho thuê văn phòng, bến bãi, cửa hàng, nhà kho, nhà ở;
- 21 Kinh doanh dịch vụ khách sạn; dịch vụ chăm sóc sắc đẹp.
- 22 Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
- 23 Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia, sản xuất nước uống không cồn, nước khoáng.
- 24 Xây dựng nhà các loại .

MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH:



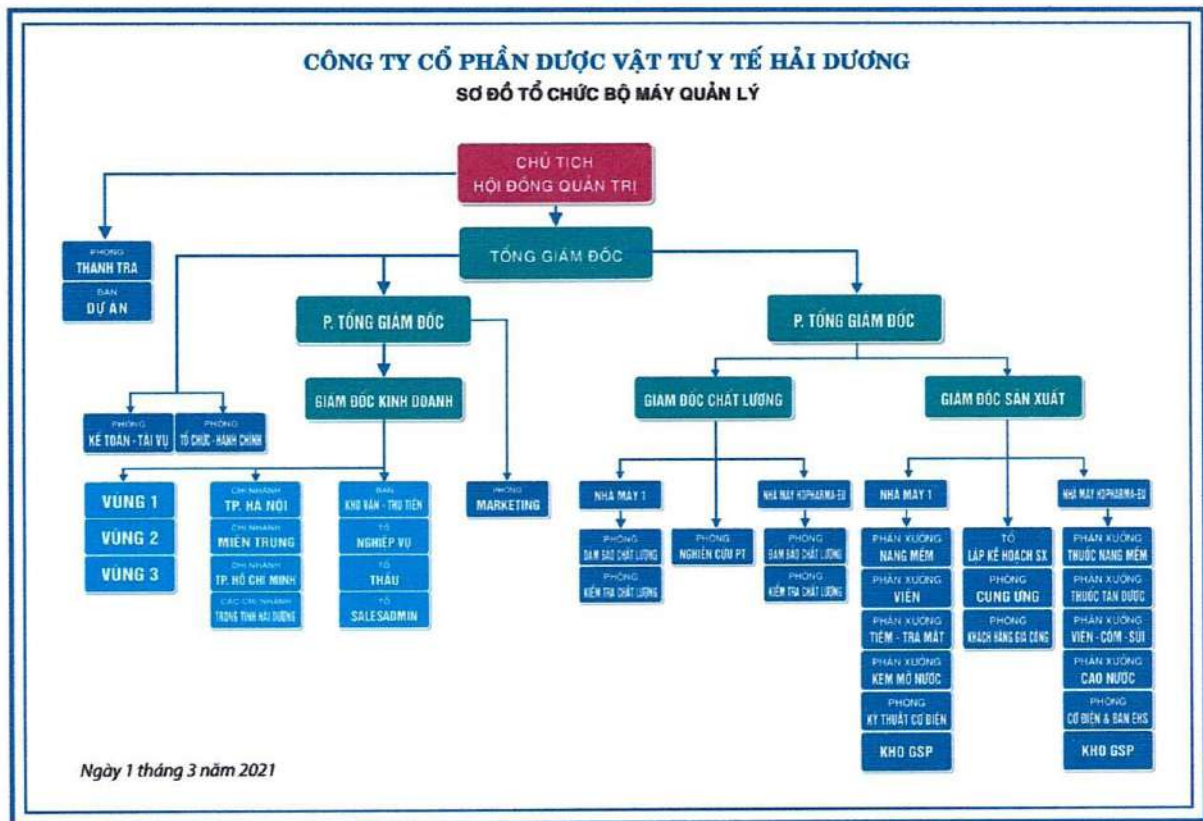








CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty gồm ba (03) thành viên.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bầu nhiệm, là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định

trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu

Xây dựng một hệ thống nhà máy hiện đại, liên hoàn, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO và đa dạng các mặt hàng thuốc. Hệ thống các dây chuyền:

- Dây chuyền thuốc viên nang mềm không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam.
- Dây chuyền dung dịch tiêm không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam.
- Dây chuyền thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam và dây chuyền thuốc viên, thuốc bột, thuốc cốm, siro, thuốc nước uống thuốc dùng ngoài, rượu thuốc, cao thuốc...có nguồn gốc từ dược liệu.
- Dây chuyền thuốc kem, thuốc mỡ và gel không chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam.
- Dây chuyền thuốc viên + Cốm + Sủi không chứa nhóm kháng sinh Beta-lactam đạt tiêu chuẩn GMP – EU
- Dây chuyền sản xuất mỹ phẩm, vật tư y tế.
- Kiện toàn hệ thống quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm đến ngang tầm tiêu chuẩn của khối EU.

Công ty CP Dược VITYT Hải Dương trở thành một trong những điểm đến hợp tác hấp dẫn, an toàn, hiệu quả, đáng tin cậy của các nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài.

Chiến lược phát triển

Về khẩu hiệu và chiến lược kinh doanh

- Lấy phục vụ làm mục đích kinh doanh, lấy hiệu quả kinh doanh làm động lực của sự phát triển.

Về chính sách chất lượng sản phẩm/ dịch vụ

- Bảo vệ và nâng cao chất lượng sản phẩm là sứ mệnh của Doanh nghiệp.

Về chính sách thị trường và bán hàng

- Có chiến lược phủ kín thị trường và mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm đến vùng sâu, vùng xa để phục vụ kịp thời người tiêu dùng.

Về tuyên truyền, quảng bá thương hiệu, sản phẩm/ dịch vụ

- Có kế hoạch quảng bá trên VTV1, VTV3 và các kênh truyền hình địa phương; trên các báo - tạp chí; trên Website của công ty và Website khác.

Về đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật

- Đầu tư đổi mới máy móc, trang thiết bị hiện đại cho các dây chuyền hiện có của công ty.
- Hiện đại hóa dây chuyền sản xuất Đông dược theo tiêu chuẩn GMP - WHO.
- Nâng cấp dây chuyền sản xuất thuốc Nước và kem mỡ đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.
- Mở rộng dây chuyền thuốc Tiêm.

Về chính sách đào tạo nhân lực

- Mở rộng đào tạo tại chỗ; gửi CBCNV đi đào tạo nâng cao.
- Mời chuyên gia đến hướng dẫn sử dụng máy móc, chuyển giao công nghệ cho CBCNV làm việc trực tiếp.

Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp

- Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.
- Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).
- Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.
- Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất. Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Doanh nghiệp hoạt động.

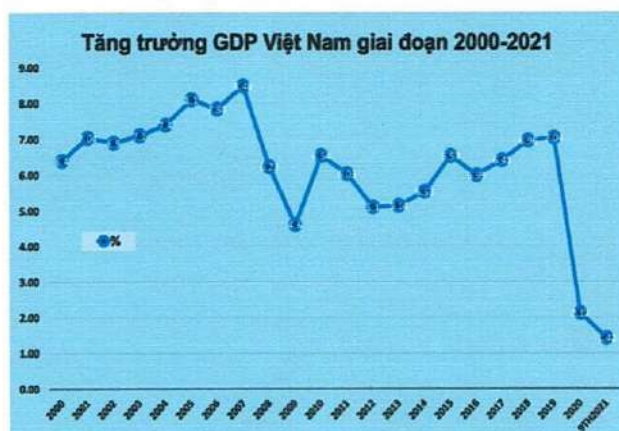
CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ:

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ sẽ tác động trực tiếp đến việc tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là một yếu tố tác động mạnh mẽ đến sự nhu cầu tiêu dùng của xã hội, thúc đẩy sự gia tăng sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị phần. Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp trong nước, trong đó có DHD.

Tăng trưởng kinh tế

Theo báo cáo của cục thống kê, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) đến tháng 9 năm 2021 tăng trưởng 1,42%, đây là năm nền kinh tế có tăng trưởng kinh tế GDP thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 đã làm đứt gãy các chuỗi kinh tế trong nước và toàn cầu, kinh tế bị đóng băng, ngừng trệ, suy thoái, sản xuất kinh doanh cầm chừng. Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ở trong và ngoài nước có tác động trực tiếp đến sự phát triển của các thành phần cũng như ngành nghề kinh tế và tất nhiên sẽ có ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiêu dùng của người dân đối với các sản phẩm liên quan đến ngành Dược.



với biên độ lớn tạo ra sự bất ổn định về giá cả và gây ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Theo báo cáo của cục thống kê Việt Nam, mức lạm phát của năm 2016 là 2,66%, năm 2017 là 3,53%, có tăng mạnh so với năm 2014 và 2015. Năm 2018 là 3,54%. Năm 2019 lạm phát là 2,79%. Năm 2020 lạm phát là 3,23%.

Năm 2021 lạm phát là 1,84%. Đây là mức tăng thấp nhất trong vòng 3 năm qua. Và điều đó có nghĩa, Chính phủ Việt Nam đã tiếp tục có một năm thành công khi ổn định được kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát còn dưới cả mục tiêu Quốc hội đề ra (khoảng 4%). Như vậy là đã 3 năm liên tiếp, Việt Nam kiểm soát được lạm phát dưới 4%. Năm 2019 là 2,79%, còn năm 2020 là 3,23%. Năm 2021 lạm phát là 1,84%

Lạm phát

Lạm phát Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến rất phức tạp và dao động

Lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này được công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi

RỦI RO CẠNH TRANH

Trong một thời gian ngành Dược được đánh giá là ngành hấp dẫn nên đã thu hút được dòng tiền nhiều. Rất nhiều nhà máy đã và đang xây mới. Đầu tư của các nhà máy thì ngày càng quy mô và bài bản. Điều đó đã dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt những năm tới khi các nhà máy này đi vào hoạt động.

Một xu hướng trong những năm gần đây và những năm tiếp theo là các tập đoàn Dược phẩm nước ngoài với kinh nghiệm lâu năm trong sản xuất và kinh doanh dược phẩm, công nghệ hiện đại cũng như tiềm lực tài chính vô cùng lớn đang đầu tư vào Việt Nam. Thực tế này đòi hỏi Công ty phải nâng cao hơn nữa chất lượng các sản phẩm thuốc, cải tiến công nghệ và đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm, cập nhật liên tục các sản phẩm thế hệ mới nhưng giá cả hợp lý, thị trường có nhu cầu thực sự, xây dựng hệ thống phân phối uy tín, lan tỏa đến mọi nơi, đạt độ tin cậy trong giới y khoa và người tiêu dùng để có thể tồn tại và cạnh tranh trên chính thị trường.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài

sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLD, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC...

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các điều Luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Dược... Song Luật pháp và các văn bản dưới luật, các quy định của ngành, hướng dẫn về thuế thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ và đang trong quá trình hoàn thiện nên sẽ tác động đến kết quả kinh doanh và định hướng của Công ty. Việc này dễ dẫn đến nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp, bồi thường có thể xảy ra nếu Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định mới. Doanh nghiệp luôn tập trung chú ý vào sự cập nhật của pháp luật cũng như là thuê các bên tư vấn để đảm bảo tính pháp lý trong việc sản xuất và vận hành. Hơn thế nữa, công ty đã và đang thực hiện việc đào tạo các chuyên viên pháp lý để kịp

thời nắm bắt và cập nhật kiến thức pháp luật.

RỦI RO VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Hiện nay Cục Quản lý Dược đã đưa chuẩn PIC/S vào tiêu chuẩn. Yêu cầu của sản xuất thuốc là chuẩn GMP - WHO đòi hỏi làm đúng chuẩn. Chính sách của Cục đã rất rõ ràng: Muốn tiếp tục sản xuất thì phải đảm bảo các điều kiện theo yêu cầu của nhà máy đạt chuẩn, còn nếu không đạt thì Công ty sẽ không được quyền sản xuất nữa. Vì vậy, chỉ có các doanh nghiệp đầu tư bài bản, sản xuất bài bản mới tồn tại được. Xu hướng làm đúng chuẩn kiên quyết loại bỏ các DN thực hiện không đúng chuẩn là tất yếu trong quá trình phát triển của Ngành Dược.

Từ năm 2020 trở đi, các cơ quan quản lý yêu cầu tách riêng sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thuốc, có nghĩa là nếu muốn sản xuất đồng thời cả thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thuốc chúng ta phải nhân đôi số dây chuyền. Điều này xảy ra vì sự suy giảm nhiều của thực phẩm bảo vệ sức khỏe do thị trường mất lòng tin đối với sản phẩm cũng như cạnh tranh nhiều. Sản phẩm sản xuất của chúng ta có rất nhiều là gia công thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Sự suy giảm này cũng ảnh hưởng đến chúng ta.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH DƯỢC PHẨM

Vấn đề hàng giả, hàng nhái là một trong những thực tế đáng lo ngại nhất hiện nay đối với các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Mặc dù Luật sở hữu trí tuệ ra đời đã góp phần bảo vệ các doanh nghiệp dược trước sự xâm hại của hàng giả, hàng nhái cũng như lành mạnh hóa môi trường cạnh tranh của ngành nhưng vẫn không giải quyết được triệt để rủi ro này. Dược phẩm là một loại hàng hóa đặc biệt, có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sự an toàn của con người. Hơn nữa, chi phí đầu tư, thời gian và công sức dành cho công tác nghiên cứu và phát triển cũng như việc xâm nhập thị trường của ngành Dược cao hơn so với bất cứ ngành công nghiệp nào khác, trong khi đó tỷ lệ thành công của các thử nghiệm sản phẩm mới lại rất thấp. Bên cạnh đó, các thuốc phục vụ cho dịch bệnh, thuốc chuyên khoa luôn phải dự trữ nhưng luôn tiềm ẩn rủi ro không tiêu thụ được. Hàng hóa trong lĩnh vực Dược phẩm có thời hạn sử dụng nhất định. Việc không tiêu thụ hết sản phẩm khi hết thời hạn sử dụng mang lại rủi ro thua lỗ cho doanh nghiệp. Trước những rủi ro mang tính đặc thù đó, Công ty phải có những biện pháp phù hợp cũng như khả năng xây dựng kế hoạch tiêu thụ và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý để hạn chế những rủi ro này.

RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Do đặc thù ngành hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, Công ty phải chịu tác động trực tiếp từ sự biến động của giá nguyên vật liệu đầu vào, nguồn sản xuất, xuất xứ của nguyên liệu. Đặc biệt, với những lĩnh vực đặc thù như ngành Dược, Công ty phải chịu sự quản lý chặt chẽ của nhà nước về giá bán đầu ra. Chính vì thế, Công ty phải gánh chịu những rủi ro đặc thù, tiềm ẩn những biến động khó lường. Đặc biệt là năm 2021 và đầu năm 2022 đại dịch tái bùng phát trên toàn thế giới trong đó có Việt Nam và ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, đến chuỗi cung ứng toàn cầu trong đó có nguyên liệu của ngành dược, tình trạng thiếu NPL, giá cả tăng, chi phí vận chuyển tăng... dẫn đến nhiều DN phải ngừng nghỉ SX, phá sản. Để giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến động giá

cả nguyên vật liệu đến hiệu quả kinh doanh, Công ty đã thương lượng với các nhà cung ứng về giá và chủ động thực hiện việc thu mua dược liệu để duy trì sự ổn định lâu dài về chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO
NGUỒN NHÂN LỰC
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2020	2021/ 2020
Doanh thu thuần	Đồng	620.187.812.016	640.694.619.989	96,8%
Giá vốn hàng bán	Đồng	452.354.625.777	471.745.481.826	95,9%
Lợi nhuận gộp	Đồng	167.833.186.239	168.949.138.163	99,3%
Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	133.943.814	47.527.410	281,8%
Chi phí hoạt động tài chính	Đồng	7.931.262.279	13.033.225.773	60,9%
Chi phí bán hàng	Đồng	59.199.407.339	53.755.329.199	110,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	66.394.724.185	66.566.780.668	99,7%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Đồng	34.441.736.250	35.641.329.933	96,6%
Lợi nhuận khác	Đồng	2.731.222.270	283.720.681	962,6%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	37.172.958.520	35.925.050.614	103,5%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	29.622.074.815	28.573.330.284	103,7%

Tổng doanh thu:

- Doanh thu thuần 2021 giảm 3,2% so với 2020, trong khi năm 2020 giảm 3,26% so với 2019

Tổng chi phí:

- Trong năm 2021, chi phí tài chính giảm: 39,1% so với năm trước.
- Trong năm 2021, chi phí bán hàng tăng 10,1% và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 0,3% so với năm trước.

Lợi nhuận:

- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 37.172.958.520 đồng, tăng 3,5% so với năm 2020, tương đương số tiền : 1.247.907.906đ.

✓ Mặc dù doanh thu thuần năm 2021 giảm 3% so với năm 2020, nhưng do cơ cấu doanh thu hàng SX tăng làm tỷ lệ lãi gộp bình quân / doanh thu thuần tăng 0,64% vì vậy tổng lợi nhuận gộp đạt 167.833.186.239đ chỉ giảm so với năm 2020 : 1.115.951.924đ.

✓ Chi phí tài chính giảm 39,1%

✓ Chi phí bán hàng + chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 tăng so với năm 2020 là 4,4%.

✓ Lợi nhuận khác tăng : 2.520.843.483 đ so với năm 2020 .

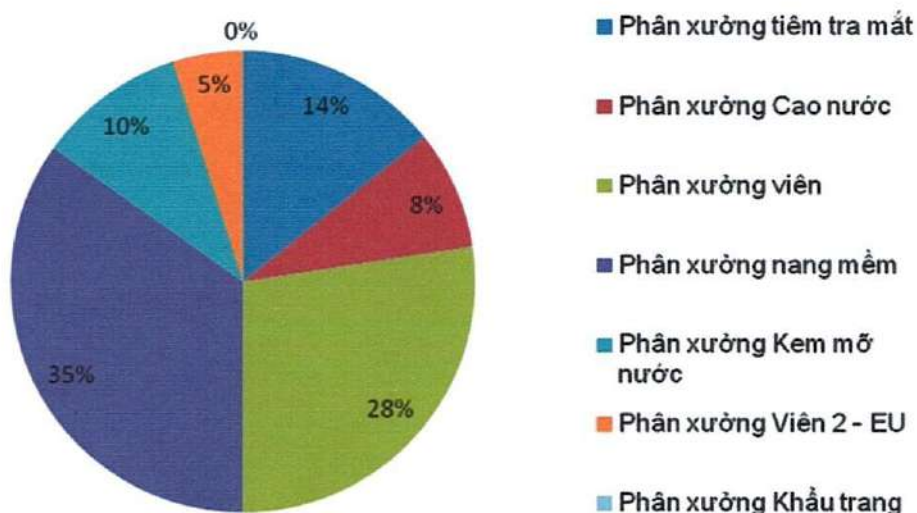
Đây là nguyên cơ bản để công ty tiết kiệm được chi phí /1đồng doanh thu thuần , là cơ sở làm cho lợi nhuận trước thuế TNDN năm nay cao hơn năm trước.

📌 Hoạt động sản xuất năm 2021

(ĐVT: nghìn đồng)

Chỉ tiêu	TH 2021	TH 2020	TH 2021/ 2020
Phân xưởng tiêm tra mắt	40.218.109	40.266.684	99,88%
Phân xưởng Cao nước	23.516.834	22.276.549	105,57%
Phân xưởng viên	77.530.000	71.220.436	108,86%
Phân xưởng nang mềm	98.418.579	94.658.559	103,97%
Phân xưởng Kem mỡ nước	29.047.419	30.429.270	95,46%
Phân xưởng Viên 2 - EU	13.672.668	525.911	2599,81%
Phân xưởng Khẩu trang	75.547	1.447.700	5,22%
Tổng giá trị sản lượng	282.479.660	260.834.109	108,30%

CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT NĂM 2021



Công tác kế hoạch sản xuất: Đây là mảng công việc gặp rất nhiều khó khăn do trong năm 2021 vì cùng với việc thay đổi tư duy phương pháp điều hành và quản lý mới và dịch bệnh Covid – 19 bùng phát kéo dài và trên diện rộng đã là tê liệt chuỗi cung ứng, nguyên liệu khan hiếm, giá cả luôn biến động tăng, hàng hóa lưu thông không thuận tiện, ách tắc do chính sách phong tỏa,... để chống dịch làm cho công tác lập KH luôn bị động, mất cân đối ảnh hưởng đến sản xuất và bán hàng.

♦ Giá trị sản lượng sản xuất năm: 282.479.660.000đ; đạt 76,3% so với kế hoạch; tăng : 8,3% so với năm 2020, tương đương số tiền : 21.645.551.000đ.

Đánh giá: Năm 2021 chúng ta không hoàn thành chỉ tiêu “*Giá trị sản lượng sản xuất*”. Nguyên nhân chính là :

- ✓ Do ảnh hưởng của chủ trương phong tỏa, giãn cách xã hội để phòng chống đại dịch COVID – 19 bùng phát lần thứ 4 trên toàn quốc đã làm chuỗi cung ứng nguyên liệu, hàng hóa bị đứt gãy, vận chuyển ngưng trệ dẫn đến doanh số bán hàng bị suy giảm.
- ✓ Dây chuyền GMP EU chưa được thẩm định và chưa đưa vào hoạt động theo đúng kế hoạch, do vậy không tạo ra SP đạt chuẩn EU có giá trị cao trong sản xuất.
- ✓ Hệ thống phân phối theo chiến lược kinh doanh mới toàn quốc đã triển khai được 4 năm, song do sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần trong Ngành dược dẫn đến doanh số của nhóm hàng sản xuất của công ty, nhóm hàng gia công cho khách hàng gia công bị giảm đáng kể.

DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Trung Việt
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Ngày tháng năm sinh: 26/4/1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học xã hội

Quá trình công tác:

♦ Từ năm 1997 – tháng 03/2014: Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Vinasun – Ucraina – Kiev

♦ Từ tháng 04/2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 4.877.160 cổ phiếu chiếm 40,64% vốn Điều lệ.



Bà Nguyễn Thị Tú Anh

Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc

Ngày tháng năm sinh: 01/9/1965

Trình độ chuyên môn: Dược sỹ Đại học

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 02/1989 đến tháng 10/1991: Đại lý thuốc cho Hiệu thuốc Trung tâm – Xí nghiệp Liên hợp Dược Hải Hưng

♦ Từ tháng 11/1991 đến tháng 7/1995: Tổ trưởng Tổ Pha chế thuốc Tiêm – Xí nghiệp Liên hợp Dược Hải Hưng

♦ Từ tháng 8/1995 đến tháng 3/2003: Mậu dịch viên bán thuốc tại Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 04/2003 đến tháng 10/2011: Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 11/2011 đến tháng 03/2016: Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 04/2016 đến nay: Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 480.960 cổ phiếu chiếm 4,01% vốn Điều lệ.



Ông Trần Phúc Dương

Thành viên Hội Đồng
Quản Trị .

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

♦ Từ năm 1989 – năm tháng 07/2015: Tự kinh doanh

♦ Từ tháng 08/2015 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Khu vực Miền Nam

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 487.350 cổ phiếu chiếm 4,06% vốn Điều lệ.

BAN KIỂM SOÁT



Bà Phạm Thị Thủy
Trưởng Ban Kiểm Soát

Ngày tháng năm sinh: 02/5/1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 10/1992 - tháng 3/2015: Nhân viên Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 4/2015 - tháng 11/2015: Thanh tra Tài chính - Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Tháng 12/2015 - tháng 10/2016: Thanh tra Tài chính, Trợ lý Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Tháng 11/2016 - nay: Thanh tra Tài chính, Trợ lý Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Thanh tra Tài chính, Trưởng ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 30.000 cổ phiếu chiếm 0,25% vốn điều lệ.



Ông Trần Kim Cương
Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày tháng năm sinh: 10/01/1975

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 7/1996 - tháng 8/2004: Mẫu dịch viên bán thuốc tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 10/2004 - tháng 3/2009: Chủ nhiệm Hiệu thuốc Chí Linh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 4/2009 - nay: Giám đốc Chi nhánh Thị xã Chí Linh - Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Chi nhánh công ty cổ phần dược VTYT Hải dương tại Thành phố Chí Linh - Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 39.974 cổ phiếu chiếm 0,33% vốn Điều lệ.



**Bà Nguyễn Thị Hương
Lan**
Thành viên Ban Kiểm
Soát

Ngày tháng năm sinh: 06/08/1987

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 12/2010 – tháng 12/2013: Nhân viên Phòng Nghiệp vụ Kinh doanh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 01/2014 – tháng 02/2015: Phó Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 03/2015 – tháng 06/2018: Phó Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất- Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 07/2018 đến tháng 11/2020: Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 12/2020 đến nay: Phó phòng Cung ứng tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 5.670 cổ phiếu chiếm 0,047% vốn Điều lệ.

BAN LÃNH ĐẠO



Ông Đỗ Ngọc Sơn
Phó Tổng Giám Đốc

Ngày tháng năm sinh: 02/04/1974

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

♦ Từ 1996- 12/2001: Nhân viên giới thiệu thuốc (TDV) Công ty United Pharma, Phillipin

♦ Từ 1999- 2001: Sinh viên trường Đại học Kinh tế quốc dân, khoa Thương mại quốc tế

♦ Từ 02/2002- 4/2006: Chi nhánh công ty CPDP Vĩnh Phúc tại Hà Nội

♦ Từ 5/2006- 5/2012: Chi nhánh công ty CPDP Vĩnh Phúc tại Hà Nội

♦ Từ 6/2012 - 7/2020: Công ty CPDP Vĩnh Phúc

♦ Từ 8/2020- nay: Công ty CP Dược VTYT Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 58.544 cổ phiếu chiếm 0,49% vốn Điều lệ.



Ông Đặng Văn Việt
Giám Đốc Chất lượng

Ngày tháng năm sinh: 05/10/1965

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 5/1991 - tháng 5/1995: Cán bộ Hiệu thuốc Đông Anh – Hà Nội

♦ Từ 6/1995 - năm 2001: Quản đốc Phân xưởng tại Công ty Cổ phần Traphaco Hà Nội

♦ Từ 2002 - tháng 12/2003: Giám đốc Công ty Cổ phần Traphaco Sapa

♦ Từ tháng 1/2004 - tháng 3/2007: Giám đốc sản xuất Công ty Cổ phần Nam Dược Hà Nội

♦ Từ tháng 4/2007 - tháng 10/2012: Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 11/2012 - tháng 4/2015: Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 5/2015 đến nay: Giám đốc Chất lượng tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Chất lượng

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 47.774 cổ phiếu chiếm 0,398% vốn
Điều lệ.



Ông Phạm Văn Năm
Giám Đốc Kinh doanh

Ngày tháng năm sinh: 20/7/1980

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 9/2002 – tháng 12/2011: Nhân viên Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương.

♦ Từ tháng 01/2012 – tháng 11/2015: Giám đốc Chi nhánh Huyện Ninh Giang thuộc Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương.

♦ Từ tháng 12/2015 – tháng 6/2018: Giám đốc Chi nhánh Huyện Ninh Giang kiêm Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ Kinh doanh thuộc Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương.

♦ Từ tháng 7/2018 – tháng 7/2020: Phó Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Chi nhánh Huyện Ninh Giang thuộc Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương.

♦ Từ tháng 8/2020 đến nay: Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Chi nhánh Huyện Ninh Giang thuộc Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương.

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Kinh doanh

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 6.494 cổ phiếu chiếm 0,05% vốn
Điều lệ.



Ông Chu Văn Long
Kế Toán Trưởng

Ngày tháng năm sinh: 06/02/1966

Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính kế toán – Chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác:

♦ Từ năm 1993–năm 1997: Nhân viên kế toán- Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ năm 1998–năm 2003: Phó phòng kế toán – Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ 2004 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Dược vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Kế toán trưởng

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 43.214 cổ phiếu chiếm 0,36% vốn Điều lệ.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	2021	2020	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	562.359.655.618	592.460.635.033	-5,1%
2	Doanh thu thuần	620.187.812.016	640.694.619.989	-3,2%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	34.441.736.250	35.641.329.933	-3,4%
4	Lợi nhuận khác	2.731.222.270	283.720.681	862,6%
5	Lợi nhuận trước thuế	37.172.958.520	35.925.050.614	3,5%
6	Lợi nhuận sau thuế	29.622.074.815	28.573.330.284	3,7%
7	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	2.733	3.103	-11,9%

STT	Chỉ tiêu	2021	2020	% tăng giảm
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,24	1,48	-16,22%
	Hệ số thanh toán nhanh	0,76	1,02	-25,49%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,34	0,42	-19,05%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,52	0,70	-25,71%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (G.Vốn/Tồn kho BQ)	5,35	5,97	-10,39%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,10	1,08	1,9%
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4,77%	4,43%	0,34%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	7,98%	8,21%	-0,23%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	5,27%	4,82%	0,45%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	5,55%	5,56%	-0,01%

Khả năng thanh toán:

- Trong năm 2021, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn với 1,24 lần, tuy nhiên hệ số trên đã giảm so với năm 2020 là 0,24 lần, tương đương 16,22%.
- Hệ số thanh toán nhanh của công ty năm 2021 là 0,76 lần, giảm so với năm 2020 là 0,26 lần, tương đương 25,49%..

Về cơ cấu vốn:

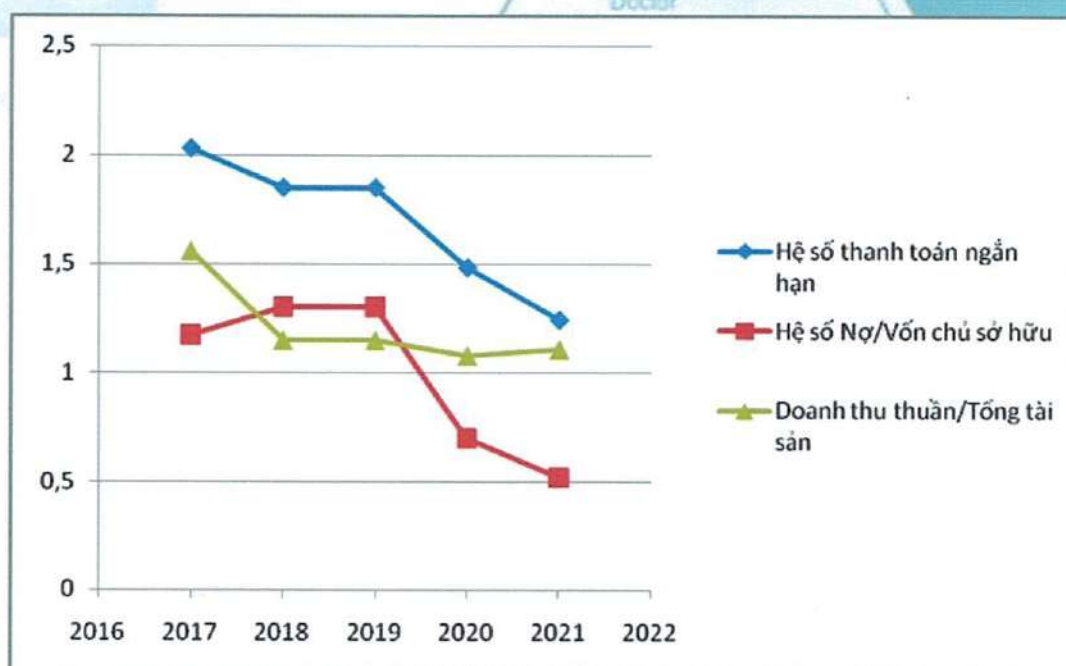
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm 19,05% , do tổng tài sản trong năm 2021 của Công ty giảm ít hơn Nợ phải trả. Cụ thể, tổng tài sản giảm 5,1% còn nợ phải trả giảm tới 21,8% so với năm 2020.
- Hơn thế nữa, Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu cũng giảm đáng kể : 25,71% , do nợ phải trả giảm mạnh 21,8% trong khi đó vốn chủ sở hữu tăng 6,7% so với năm 2020.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

- Chỉ số vòng quay hàng tồn kho trong năm 2021 giảm 10,39% do tốc độ hàng tồn kho bình quân tăng 6,9% so với 2020, cao hơn tốc độ giảm của tổng giá vốn hàng bán năm 2021 so với năm 2020, cụ thể là giảm 4,1%.
- Chỉ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản giảm do doanh thu thuần năm 2021 tăng 2,8% do tốc độ giảm của doanh thu thuần giảm 3,2% chậm hơn tốc độ giảm của tổng tài sản so với năm trước, cụ thể là giảm 5,1% .

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

- Lợi nhuận sau thuế tăng dẫn tới các hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu và Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản cũng tăng theo.



Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,03	1,85	1,85	1,48	1,24
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,17	1,30	1,30	0,70	0,52
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,56	1,15	1,15	1,08	1,10

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu:

Số lượng cổ phần:	11.999.888 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 Đồng
Số lượng cổ phiếu ưu đãi:	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông:	11.999.888 cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành:	11.999.888 cổ phiếu
Số cổ phần chuyển nhượng tự do:	11.999.888 cổ phiếu
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông năm 2021

Bảng cơ cấu Cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước		
	- Tổ Chức	0	-
	- Cá nhân	404	99,93%
2	Cổ đông nước ngoài		
	- Tổ chức	5	0,07%
	- Cá nhân	0	
	%Tổng cộng		100%

Bảng cơ cấu Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông Nhà nước	0	-
2	Cổ đông sáng lập	709.078	5,9%
3	Cổ đông lớn	6.843.644	57,03%
	Trong nước	6.843.644	57,03%
	Nước ngoài		
4	Cổ đông khác		
	Trong nước	4.439.186	37%
	Nước ngoài	7.980	0,07%
	TỔNG CỘNG		100%

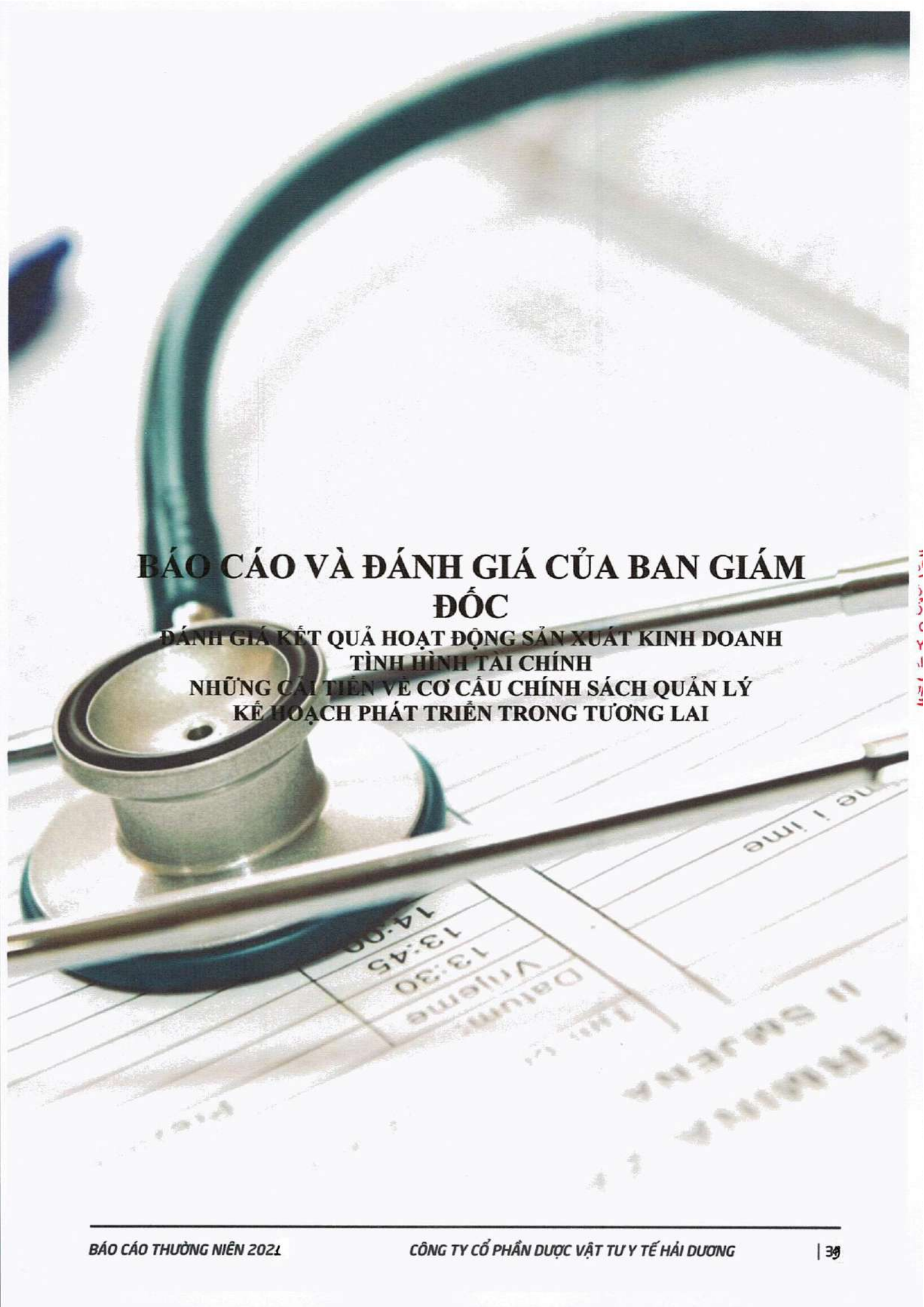
Danh sách cổ đông lớn:

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL
Nguyễn Trung Việt	001069002861	Khu đô thị Ciputra, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	4.877.160	40,64%
Trần Mai Lan	001171004106	1506 P2 KĐT Nam Thăng Long, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	1.966.484	16,39%

MEDICAL

MEDICAL





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	2021	2020	2021/ 2020
Doanh thu thuần	Đồng	620.187.812.016	640.694.619.989	96,8%
Giá vốn hàng bán	Đồng	452.354.625.777	471.745.481.826	95,89%
Lợi nhuận gộp	Đồng	167.833.186.239	168.949.138.163	99,34%
Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	133.943.814	47.527.410	281,82%
Chi phí hoạt động tài chính	Đồng	7.931.262.279	13.033.225.773	60,85%
Chi phí bán hàng	Đồng	59.199.407.339	53.755.329.199	110,13%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	66.394.724.185	66.566.780.668	99,74%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Đồng	34.441.736.250	35.641.329.933	96,63%
Lợi nhuận khác	Đồng	2.731.222.270	283.720.681	962,64%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	37.172.958.520	35.925.050.614	103,47%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	29.622.074.815	28.573.330.284	103,67%

Đánh giá chung:

Năm 2021 là một năm hết sức khó khăn đối với Công ty Dược Vật tư Y tế Hải Dương nói riêng và toàn ngành Dược Việt Nam nói chung, do ảnh hưởng của dịch Covid – 19 đến kinh tế toàn cầu: Sản xuất, lưu thông bị ngừng trệ, kinh tế suy thoái...

Công tác sản xuất

- ❶ Chỉ tiêu sản xuất trong năm 2021: Giá trị sản lượng sản xuất năm: 282.479.660.000đ; đạt 76,3% so với kế hoạch; tăng : 8,3% so với năm 2020.

❷ Doanh thu và lợi nhuận

- Doanh thu thuần 2021 giảm 3,2% so với 2020 và giảm 22,3% so với kế hoạch. Nguyên nhân chính là do:
 - ✓ Do ảnh hưởng của chủ trương phong tỏa, giãn cách xã hội để phòng chống đại dịch COVID – 19 bùng phát lần thứ 4 trên toàn quốc đã làm chuỗi cung ứng bị đứt gãy, vận chuyển ngưng trệ dẫn đến doanh số bán hàng bị suy giảm.
 - ✓ Hệ thống phân phối theo chiến lược kinh doanh mới toàn quốc đã triển khai được 4 năm, song do sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần trong Ngành dược dẫn đến doanh số của nhóm hàng kinh doanh thương mại ủy quyền thầu qua HDPHARMA và nhóm hàng gia công cho khách hàng gia công bị giảm đáng kể.

-Lợi nhuận trước thuế TNDN: 37.172.958.520 đồng, tăng 3,45% so với năm 2020, tương đương số tiền : 1.247.907.906đ.

-Lợi nhuận sau thuế TNDN: 29.622.074.815 đồng, tăng 3,66% so với năm 2020, tương đương số tiền : 1.048.744.531đ. So với kế hoạch mà Đại hội cổ đông 2021 đã thông qua thì tăng 2,1% , tương đương số tiền : 622.074.815đ

Thị trường

Năm 2021 là năm các doanh nghiệp trong , ngoài ngành dược bị ảnh hưởng rất nhiều bởi dịch bệnh Covid – 19 lần thứ 4 và trên diện rộng , môi trường và hình thức kinh doanh có nhiều thay đổi dẫn đến thị phần có nhiều thay đổi. Thị phần lớn và cốt yếu của Công ty là thị trường Miền Trung Tây Nguyên và phía Nam, còn trên thị trường sân nhà là thị trường Hải Dương, HDPHARMA mới chỉ mạnh ở mảng bán ETC. Do môi trường cạnh tranh hết sức khốc liệt, hệ thống vận chuyển bị ách tắc trong thời gian dịch bệnh Covid-19 ... thị phần OTC hàng sản xuất ở các khu vực tiền năng này của Công ty tăng trưởng rất chậm chưa được dự tính.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2021	2020	% 2021/2020
Tài sản ngắn hạn	234.039.057.867	248.046.794.242	94,35%
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.834.364.200	15.995.539.706	117,75%
Các khoản phải thu ngắn hạn	122.412.186.886	147.830.203.897	82,81%
Hàng tồn kho	91.173.186.341	77.808.418.498	117,18%
Tài sản ngắn hạn khác	1.619.320.440	6.412.632.141	25,25%
Tài sản dài hạn	328.320.597.751	344.413.840.791	95,33%
Tài sản cố định	314.335.656.519	322.438.813.241	97,49%
Tài sản dở dang dài hạn	2.264.358.370	21.705.091.725	10,43%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	11.720.582.862	269.935.825	4341,99%
Tổng tài sản	562.359.655.618	592.460.635.033	94,92%
Nợ phải trả	191.058.897.022	244.460.098.139	78,16%
Nợ ngắn hạn	188.101.809.169	167.332.617.588	112,41%
Nợ dài hạn	2.957.087.853	77.127.480.551	3,83%
Vốn chủ sở hữu	371.300.758.596	348.000.536.894	106,70%
Tổng nguồn vốn	562.359.655.618	592.460.635.033	94,92%

Tài sản

Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Công ty có thay đổi trong năm 2021 .

Tài sản ngắn hạn:

Tổng tài sản ngắn hạn năm 2021 giảm 5,65% so với năm 2020, nguyên nhân chính là do công nợ phải thu chiếm tỷ trọng lớn (

52,3%) và giảm tới 17,19% ; mặc dù tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho cũng có tăng nhưng do tỷ trọng nhỏ hơn bởi vậy không ảnh hưởng nhiều đến việc giảm của chỉ tiêu tài sản ngắn hạn .

Tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn năm 2021 giảm 4,67% so với năm 2020. Lý do chính là từ tháng 4

năm 2021 đã đưa các dây chuyền SX đạt chuẩn GMP – WHO của nhà máy HDPHARMA tại Cẩm Thượng vào SX, làm cho tổng khấu hao cả năm tăng cao hơn giá trị tài sản MM- TB đầu tư cụ thể khấu hao là : 22.478.386.999 đồng, trong khi đó đầu tư bổ sung thêm MM- TB sản xuất năm 2021 chỉ là : 2.354.606.264 đồng .

Nợ phải trả

Trong 2021, cơ cấu nợ đã thay đổi và giảm 21,84% trong đó tốc độ tăng nợ ngắn hạn nhỏ hơn tốc độ giảm của nợ dài hạn cụ thể : Nợ ngắn hạn tăng tăng 17,18% , trong khi

đó Nợ dài hạn cũng giảm 96,17% so với 2020.

Công ty đã giảm nợ phải trả người bán và đặc biệt trả hết trước hạn 100% nợ vay trung hạn cho dự án nhà máy mới HDPHARAM tại Cẩm thượng và cân đối tốt vốn trong thanh toán (*nợ ngắn hạn*) .

Vốn chủ sở hữu

Trong năm 2021, Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng lên 6,7%, chủ yếu do lợi nhuận sau thuế từ kết quả SX - Kinh doanh năm 2021 chưa phân phối.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Năm 2021, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới đã được thiết lập, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của công ty

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý.

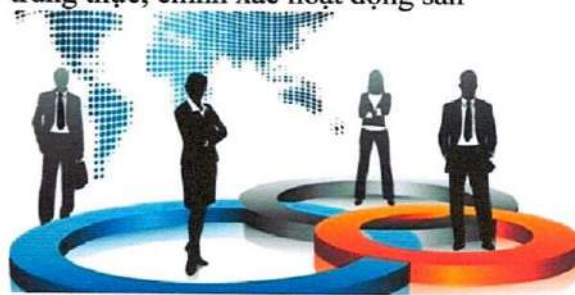
Năm 2021 công ty đã khai thác triệt để hơn phần mềm quản trị tổng thể doanh nghiệp - ERP vào khâu lập kế hoạch sản xuất, quản trị bán hàng và quản trị tài chính - kế toán quản lý nhân sự và tiền lương, từ đó góp phần làm cho công tác tài chính, hệ thống các qui trình, qui chuẩn công việc, qui chế quản lý tài chính toàn công ty được kiện toàn hơn;

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất.



Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng

khoán số 54/2019/QH14; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Thông tư 96/2020/TT-BTC về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 16/11/2020. Công ty bảo đảm môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Các báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản



xuất kinh doanh của Tổng công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Tổng công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình, góp phần giúp cho Tổng công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Tổng công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị công ty, hướng tới áp dụng thành công các thông lệ quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các giải pháp hỗ trợ trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2021 cạnh tranh trong thị trường Dược phẩm trong nước sẽ càng khốc liệt hơn, ảnh hưởng đến SX, phân phối của đại dịch Covid – 19 tái bùng phát lần 4 với những biến chứng mới có mức độ lây lan với tốc độ chóng mặt tại Việt Nam và trên toàn cầu ngày càng rõ rệt và nghiêm trọng hơn , Ban giám đốc Công ty sẽ đánh giá đúng về năng lực của hệ thống kinh doanh, đánh giá đúng các đối thủ cạnh tranh; có những định hướng cụ thể và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thị trường:

Thay đổi chính sách khách hàng phù hợp

Không ngừng hoàn thiện chính sách phục vụ sản xuất kinh doanh

- ❶ Các phòng ban chức năng, Phòng khách hàng gia công, Khối kinh doanh , đặc biệt bộ phận dịch vụ khách hàng, tiếp nhận thông tin nhanh nhạy, đáp ứng kịp thời thỏa mãn khách hàng.
- ❷ Đặc biệt tập trung hoàn thiện các Chính sách trong công tác nghiên cứu thực nghiệm; Định mức lao động năng suất định mức lương cho từng sản phẩm.
- ❸ Tiếp tục triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP, ISO9001 : 2015 hiện hành.
- ❹ Kiên trì xây dựng và thực hiện chính sách tổng chất lượng để tạo niềm tin cho khách hàng.
- ❺ Tập trung nghiên cứu, phát triển một số mặt hàng chiến lược, có giá trị cao tạo ra những sản phẩm thương hiệu cho HD PHARMA.
- ❻ Đầu tư thêm thiết bị máy móc để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm.
- ❼ Nâng cao trình độ kỹ năng, phát huy sáng kiến cải tiến.
- ❽ CBCNV thực hiện công việc theo đúng quy trình quy chuẩn công việc , qui chuẩn văn hóa doanh nghiệp đã ban hành.
- ❾ Chuẩn bị tốt , đầy đủ các điều kiện để đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất thuốc viên, cốm sủi không chứa kháng sinh nhóm Betalacatam đạt chuẩn GMP- EU, sau khi thẩm định có giấy chứng nhận dự kiến vào quý II/2022 ,
- ❿ Thực hiện tốt công tác thẩm định GMP cho các dây chuyền sản xuất thuốc hiện có đạt chuẩn GMP – WHO và thực phẩm bảo vệ sức khỏe khi đến hạn.

Chính sách kinh doanh:

- ❶ Không ngừng hoàn thiện và thực hiện tốt mục tiêu “lấy khách hàng là trung tâm”.
- ❷ Hệ thống kinh doanh là những bộ phận đại diện cho Công ty tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, là cầu nối để đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Theo xu hướng thị trường

cạnh tranh hiện nay, Khối Kinh doanh nhận định toàn bộ hệ thống phải liên tục hoàn thiện để đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Do đó cần liên tục hoàn thiện các chính sách để hướng tới phục vụ khách hàng tốt nhất, đem tới cho khách hàng tổng chất lượng tốt nhất từ sản phẩm đến các dịch vụ cung ứng hàng hóa.

Năm 2022 Khối Kinh doanh hoàn thiện các chính sách cụ thể:

- ✓ Chính sách lương thưởng, năng suất: tạo thu nhập ổn định và động lực cho nhân sự kinh doanh thực hiện doanh số bán hàng
- ✓ Chính sách khoán kinh doanh phù hợp để các bộ phận thực hiện.
- ✓ Chính sách bán hàng, marketing phù hợp với sản phẩm và thị trường.
- ✓ Hoàn thiện hệ thống phân phối toàn quốc lấy : CN Hà Nội, Chi Nhánh Miền Trung tại Đà Nẵng , Chi nhánh HCM và tiếp tục mở CN tại Cần Thơ, làm trung tâm, lòng cốt cho hệ thống phân phối mới.

Công tác Kinh doanh

- Phân đầu doanh số bán ra đạt chỉ tiêu: 790 tỷ đã đề ra cho năm 2022.
- Chuyên nghiệp hóa công tác của Tổ thầu. mục đích đưa hàng Hải Dương sản xuất ra phạm vi ngoài tỉnh bằng cả hai hình thức dự thầu tự làm thầu và liên doanh với Công ty bạn.
- Hoàn thiện hệ thống bán hàng OTC để tạo thương hiệu Hải Dương, xây dựng thói quen dùng hàng Hải Dương, đưa hàng HDPHARMA đến các vùng miền của cả nước.
- Đầu tư cho hệ thống bán hàng tại các tỉnh, có chính sách bán hàng tốt nhất để các đại lý, các cộng tác viên gắn bó với hàng Hải Dương.

Công tác hoàn thiện hệ thống bán hàng sản xuất

- Hệ thống OTC:
 - ✓ Xây dựng và kiện toàn lại toàn bộ hệ thống nhân sự từ QLV đến TDV toàn quốc theo đúng chiến lược kinh doanh đã duyệt.
 - ✓ Lựa chọn nhà phân phối ,giám sát trình dược viên và nhà phân phối để đạt được mục tiêu phù hợp tốt ,quản lý nhân viên và hàng hóa công nợ chặt chẽ hiệu quả.
 - ✓ Xây dựng mở rộng thêm hệ thống bán hàng, tăng độ bao phủ thị trường để tăng thị phần gia tăng doanh số bán hàng.
 - ✓ Nâng cao Doanh số bán hàng TB của TDV/ tháng theo chỉ tiêu
 - ✓ Thúc đẩy tích cực việc triển khai sản phẩm mới để đưa sản phẩm vào thị trường một cách nhanh nhất và có hiệu quả.
 - ✓ Gia tăng số lượng sản phẩm hiện diện trên các điểm bán, tăng doanh số bán hàng đối với các sản phẩm đã triển khai thành công tại điểm bán.

- ✓ Tận dụng và phát huy tối đa các công cụ đã được trang bị, các chính sách trong bán hàng nhằm quản lý tốt hơn và góp phần gia tăng doanh số bán hàng.
- ✓ Có những giả pháp phù hợp để : Đưa hàng vào hệ thống siêu thị, hệ thống chuỗi nhà thuốc bán lẻ toàn quốc và các kênh bán hàng ONLINE, bán hàng qua các kênh thương mại điện tử

❶ Hệ thống ETC:

- ✓ Tuyển dụng nhân sự có chất lượng, có thái độ nghiêm túc và mong muốn được làm việc, gắn bó với Doanh nghiệp.

- ✓ Giữ vững ổn định về mặt nhân sự, phát triển địa bàn sâu và xây dựng mối quan hệ tốt với các bệnh viện, các sở ban ngành. Kiện toàn một số tỉnh như Vĩnh Phúc, thái nguyên ,Phú Thọ, Sơn la, Tuyên Quang, Hà Giang, Điện Biên, Hòa Bình và các tỉnh ở miền Nam ,miền trung mà công ty chưa làm thầu.

- ✓ Lập kế hoạch xây dựng danh mục, số lượng cài thầu cụ thể đối với từng sản phẩm tại từng địa bàn có kế hoạch tổ chức đấu thầu trong năm 2022, đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng về sản lượng và giá trị trúng thầu so với cùng kỳ năm trước. Trên cơ sở đó đề xuất giá chào thầu, theo dõi kết quả trúng thầu, xây dựng chính sách thầu (nếu có) và chỉ đạo, triển khai và bám sát bán hàng theo kết quả trúng thầu

- ✓ Tích cực triển khai và phát huy hiệu quả của công tác bán áp thầu cho các phòng khám có khám chữa bệnh bảo hiểm trên phạm vi toàn quốc

- ❶ Triển khai giới thiệu và bán các mặt hàng mới mà Hội đồng triển khai sản phẩm mới đã đăng kí và triển khai đưa ra thị trường những mặt hàng thay đổi lại mẫu mã, chất lượng.

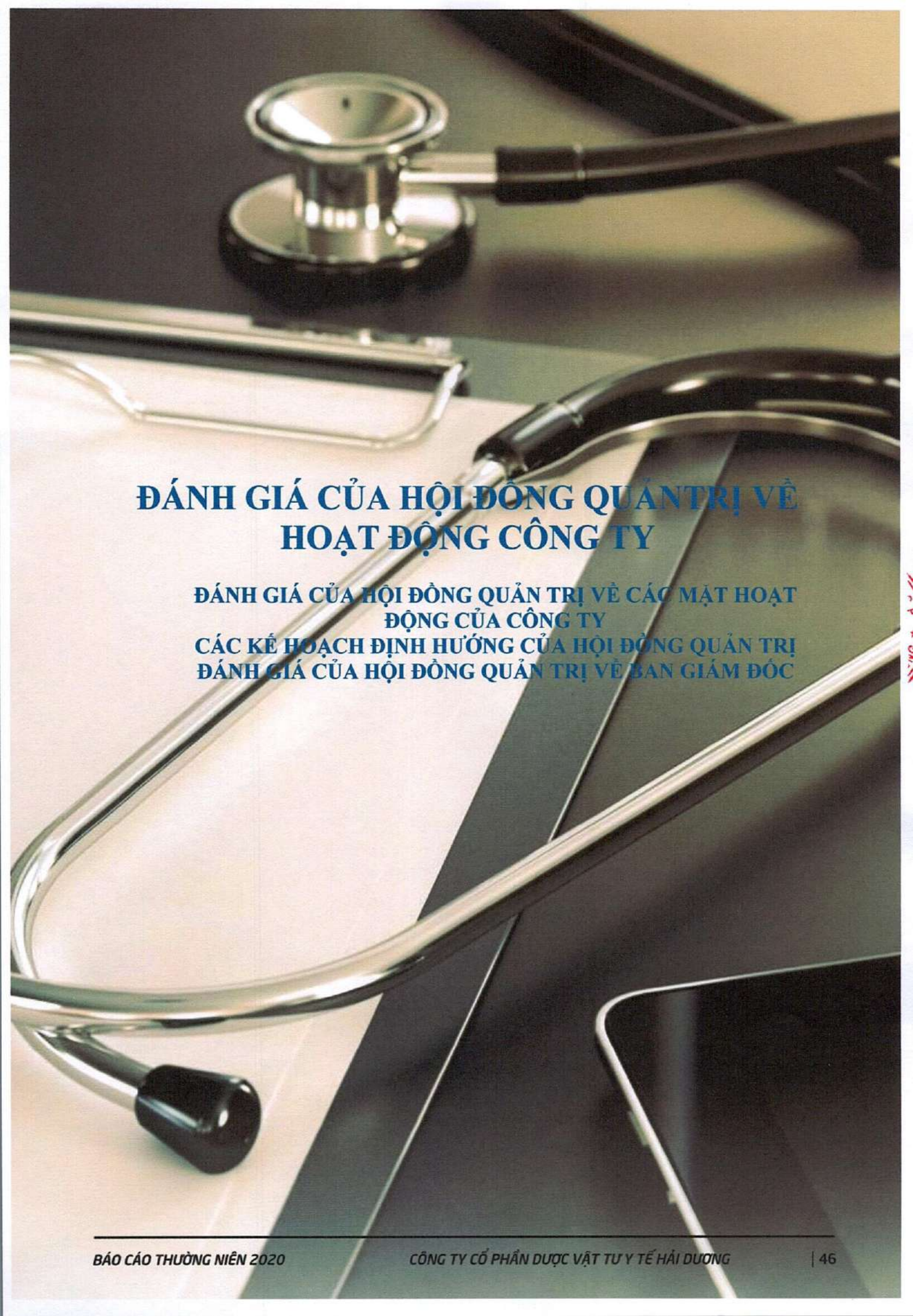
- ❶ Các chi nhánh phối hợp cùng phòng kinh doanh, phòng marketing xây dựng các chương trình khuyến mại sản phẩm phù hợp với thị hiếu của khách hàng.

- ❶ Khối kinh doanh và phòng marketing triển khai các hội thảo ,hội nghị khách hàng tại các tỉnh.

- ❶ Khối kinh doanh phối hợp cùng các phòng ban (Marketing, Đảm bảo chất lượng,...) để đào tạo nhân sự QLV, TDV trong năm 2022, mô hình làm theo nhóm, theo vùng.

- ❶ Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giá trị sản lượng sản xuất năm 2022 là :380 tỷ với chất lượng sản phẩm ổn định, liên tục hoàn thiện cung cấp hàng kịp thời cho khách hàng.

- ❶ Kế hoạch doanh số kinh doanh năm 2022 là : 790 tỷ (đã trừ doanh thu nội bộ).



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT
ĐỘNG CỦA CÔNG TY
CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2021 là một năm khó khăn không chỉ riêng Công ty mà còn chung cho cả ngành Dược Việt Nam. Thị trường cạnh tranh khốc liệt với sự tham gia của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài, sự bùng nổ của dòng tiền chảy vào ngành, bão hòa của thực phẩm chức năng, sự quản lý gắt gao nâng chuẩn của các cơ quan quản lý, sự tăng giá chóng mặt của nguyên vật liệu ngành Dược, và đặc biệt là ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 bùng phát lần thứ 4 đến hầu hết các tỉnh thành trong cả nước, cả nước gồng mình lên để chống dịch, bảo vệ sức khỏe, tính mạng người dân, đời sống sinh hoạt đảo lộn và kinh tế toàn cầu, các chuỗi cung ứng liên kết kinh tế bị đứt gãy, sản xuất kinh doanh bị đình trệ và suy thoái, hầu hết các nền kinh tế trong, ngoài nước có chỉ số GDP tăng trưởng âm, cụ thể theo báo cáo của Ngành Dược Việt Nam năm 2021 cho thấy “ 57,14% doanh nghiệp đánh giá tình hình kinh doanh xấu đi một chút; 14,29% doanh nghiệp đánh giá không bị ảnh hưởng và chỉ có 7,14% doanh nghiệp đánh giá tình hình kinh doanh tốt hơn một chút.”

Chúng ta đã vượt qua những khó khăn năm 2021 tuy có giảm sút một chút về doanh thu so với năm trước, song kết quả SX – KD chít iêu lợi nhuận trước thuế TNDN vẫn có sự tăng trưởng và sử dụng hợp lý các nguồn lực hiện có, Việc làm và thu nhập của hơn 800 CBCNV vẫn được duy trì và ổn định.

Doanh thu thuần và lợi nhuận

- Doanh thu thuần 2021 giảm 3,2% so với 2020, và giảm 22,3% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 29.622.074.815 đồng, tăng 3,66% so với năm 2020, tương đương số tiền : 1.048.744.531đ. So với kế hoạch mà Đại hội cổ đông 2021 đã thông qua thì tăng 2,1%, tương đương số tiền : 622.074.815đ

Tình hình sản xuất:

- Chỉ tiêu sản xuất trong năm 2021: Giá trị sản lượng sản xuất năm: 282.479.660.000đ; đạt 76,3% so với kế hoạch; tăn : 8,3% so với năm 2020.

Công tác Dự án:

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai dự án xây dựng dây chuyền sản xuất thuốc viên, cốm, sủi không chứa kháng sinh Betalactam đạt tiêu chuẩn GMP- WHO và GMP- EU tại nhà máy Cẩm Thượng với mức đầu tư là 300 tỷ đồng theo nghị quyết Đại hội cổ đông. Đến nay công tác xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị nhà xưởng đã hoàn thành và đã thực hiện đúng các quy trình, quy định về việc đầu tư của công ty. do sự ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 từ đầu năm 2020 việc thẩm định đã bị lùi lại nhiều lần. Qua nhiều lần làm việc Đoàn chuyên gia thẩm định Châu Âu đã đồng ý thẩm định GMP EU cho dây chuyền của DHD theo hình thức ONLINE trong tháng 4 /2022 và dự kiến

trong quý II/2022 chúng ta sẽ có chứng chỉ GMPEU dây chuyền SX đã đầu tư và đủ điều kiện đưa dây chuyền vào hoạt động .

- Đưa các dây chuyền thuốc viên, thuốc nang mềm đầu tư tại Nhà máy HDPHARAM đạt chuẩn GMP WHO vào khai thác từ tháng 4/2022.
- Hoàn thành quyết toán đưa vào sử dụng công trình trụ sở Nhà văn phòng và bán hàng chi nhánh tại Hà Nội và sử dụng.

Hình ảnh một số máy móc tiêu biểu với công nghệ tiên tiến







Máy đóng túi tiêu chuẩn EU



CÁC KẾ HOẠCH - ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tiếp tục triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP hiện hành.
- Đầu tư thêm thiết bị máy móc để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm.
- Nâng cao trình độ kỹ năng, phát huy sáng kiến cải tiến.
- Hoàn thiện hệ thống bán hàng OTC để tạo thương hiệu Hải Dương, xây dựng thói quen dùng hàng Hải Dương, đưa hàng HDPHARMA đến các vùng miền của cả nước.
- Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giá trị sản lượng sản xuất năm 2022 là: **380 tỷ** với chất lượng sản phẩm ổn định, liên tục hoàn thiện cung cấp hàng kịp thời cho khách hàng.
- Kế hoạch doanh số kinh doanh năm 2022 là : **790 tỷ**.
- Tìm đơn vị tư vấn để lập phương án, kế hoạch sử dụng cho từng mảnh đất hiện có của công ty, tạo nhóm để các thành viên HĐQT, BKS cùng tham gia nhằm tìm ra phương án sử dụng hiệu quả nhất cho từng thửa đất trong thời gian tới.
- Lập dự án xin đất để “Xây dựng vùng nuôi trồng, chế biến dược liệu được kiểm soát theo tiêu chuẩn GACP” tại TP Chí Linh - Hải Dương.
- Xây dựng dự án mở rộng qui mô nhà máy phù hợp với chuẩn quốc tế và tầm nhìn chiến lược của Ngành Dược Việt nam cho giai đoạn tiếp theo đến năm 2030, tại Hải Dương với diện tích khoảng từ 5 – 10ha.
- Lập dự toán, Kế hoạch chi tiết để xây dựng giai đoạn 2 tại Khu đất thuộc Phường Cẩm Thượng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát, chỉ đạo đối với Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT, đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGD công ty thông qua báo cáo định kỳ hàng tháng của các Tiểu ban thuộc HĐQT và báo cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của TGD về tiến độ thực hiện, định hướng triển khai, những khó khăn, vướng mắc... tại các cuộc họp định kỳ hàng tháng và đột xuất của HĐQT. Qua đó nắm bắt tình hình của công ty, đề ra các quyết định kịp thời, đúng đắn, điều tiết trôi chảy và hiệu quả nhất có thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong hoạt động điều hành, Ban Tổng Giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có trình độ, năng lực và phẩm chất; được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách, có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành công ty, tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; các định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch.

Hội đồng quản trị thống nhất với kết quả báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021. Các chỉ tiêu : nộp thuế, việc làm và thu nhập của người lao động, quyền lợi của cổ đông, đầu tư phát triển sản xuất, xử lý môi trường, thực hiện nghĩa vụ xã hội... đều được báo cáo đầy đủ và phản ánh đúng tình hình thực tế của Công ty. Năm 2021 hệ thống phân phối vẫn chưa hoàn thiện , sự ảnh hưởng của sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần trong ngành dược, sự giảm sút doanh số của nhóm hàng kinh doanh thương mại, ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 đến sản xuất – kinh doanh đã làm cho năm 2021 các chỉ tiêu cơ bản : giá trị sản xuất, doanh số bán ra không hoàn thành Kế hoạch đại hội đề ra. Trong năm 2021 với tình hình kinh tế khó khăn, đại dịch bùng phát khắp nơi, nhưng ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực hết mình để thực hiện các chiến lược đề ra, chấp hành tốt

các nghị quyết của hội đồng quản trị, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chấp hành tốt các chính sách pháp luật Nhà nước, thích ứng an toàn trong điều kiện vừa sản xuất - kinh doanh vừa chống dịch Covid – 19 , phát huy tối đa năng lực của công ty và kết quả là công ty vẫn duy trì ổn định công việc và thu nhập cho người lao động ,lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch 2,1% và tăng trưởng 3,66% so với năm 2020 .



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT
CÁC NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LƯƠNG,
THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH GIAO DỊCH CỔ PHIẾU
CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu Hội Đồng Quản Trị

Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	4.877.160
Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT/TGĐ	480.960
Trần Phúc Dương	Thành viên HĐQT	487.350

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Tên các tiểu ban	Nhiệm vụ	Đánh giá hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT
Hội đồng Khen thưởng Kỷ luật	- Hội đồng tham gia xem xét phân tích trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị ra quyết định những hình thức khen thưởng, Tổng Giám đốc quyết định những hình thức kỷ luật đối với lao động.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
Hội đồng khoa học kỹ thuật	- Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho HĐQT về những lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và chiến lược phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Xét và công nhận những đề tài nghiên cứu, những sáng kiến cải tiến.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
Hội đồng kiểm kê	- Hội đồng xác định giá trị hàng hoá tài sản trên thực tế đến kỳ báo cáo hoặc số lượng tài sản, hàng hoá đến một thời điểm xác định lại giá trị.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
Hội đồng thanh lý	- Hội đồng giúp HĐQT xác định những tài sản, hàng hoá không còn giá trị sử dụng được đánh giá lại hoặc huỷ bỏ	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
Hội đồng An toàn lao động	- Tham gia, tư vấn với Tổng giám đốc và phối hợp các hoạt động trong việc xây dựng quy chế quản lý, chương trình hành động, kế hoạch bảo hộ lao động và các biện pháp an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, các nhiệm vụ của Công ty theo pháp luật quy định.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
Hội đồng nghiệm thu	- Tư vấn cho Hội đồng quản trị, kiểm tra, xác nhận thực tế về chất lượng, số lượng tài sản cố định, máy móc thiết bị, công trình sửa chữa, xây dựng cơ bản hoàn thành theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp thường kỳ 6 lần, để trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định các công việc định kỳ và các công việc phát sinh theo thẩm quyền như: phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh; phê duyệt các dự án đầu tư; báo cáo tài chính hàng quý, năm; kiện toàn cơ cấu nhân sự. Các cuộc họp đều tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, kết thúc mỗi cuộc họp đều lập biên bản.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi dự họp	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	6	100%	
3	Trần Phúc Dương	Thành viên HĐQT	6	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	6	100%	

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2021:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	40+41/ NQ/HĐQT	02/03/2021	- Thông qua số liệu báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2020 - Thành lập Tiểu ban tổ chức đại hội cổ đông và chuẩn bị các văn kiện, thủ tục pháp lý theo Luật và Điều lệ để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 nhiệm kỳ V (2019-2024) dự kiến vào ngày 28 tháng 4 năm 2021.
2	42+43/BB-NQ/HĐQT	25/03/2021	- Thông qua số liệu báo cáo tài chính đã kiểm toán. - Thông qua các văn kiện, báo cáo trình đại hội và công tác tổ chức đại hội cổ đông năm 2021 - Tạm ứng chi trả cổ tức năm 2020 cho các cổ đông với mức 6% bằng tiền mặt, thời gia dự kiến chi 15/4/2021.
3	44/ NQ/HĐQT	25/03/2021	- Thông qua Kế hoạch vay vốn lưu động 2020 – 2021 tại NH BIDV
4	46+47/ NQ/HĐQT	28/04/2021	- Triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo NQ ĐHCĐ năm 2021
5	48/ NQ/HĐQT	23/6/2021	- Thay đổi vốn điều lệ và Đăng ký lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

6	49/BB-NQ/HĐQT	23/7/2021	- Thông qua số liệu báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 do phòng Kế toán tài chính lập thời điểm 30/6/2021 và trình HĐQT. - Tìm đơn vị tư vấn để lập phương án, kế hoạch sử dụng cho từng mảnh đất hiện có của công ty, tạo nhóm để các thành viên HĐQT, BKS cùng tham gia nhằm tìm ra phương án sử dụng hiệu quả nhất cho từng thửa đất trong thời gian tới. - Lập dự án xin đất để “Xây dựng vùng nuôi trồng, chế biến dược liệu được kiểm soát theo tiêu chuẩn GACP” tại TP Chí Linh - Hải Dương.
---	---------------	-----------	--

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty.
- Năm 2021, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.
- Thành viên của HĐQT độc lập có ông Nguyễn Ông Trần Phúc Dương. Trong năm 2021 các thành viên này có tham gia cùng với thành viên khác của HĐQT giải quyết các vấn đề phải thông qua HĐQT.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm Soát

Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
Phạm Thị Thủy	Trưởng ban kiểm soát	30.000CP
Trần Kim Cương	Thành viên ban kiểm soát	39.974CP
Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên ban kiểm soát	5.670CP

Hoạt động của Ban Kiểm Soát:

- Ban kiểm soát có 1 trưởng ban và 2 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

- ❶ Trong năm Ban kiểm soát đã phối hợp và làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động Công ty, góp phần đóng góp ý kiến để giải quyết các khó khăn phát sinh trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ❷ Ban Kiểm soát đã theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- ❸ Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2021 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 của Công ty.
- ❹ Ban kiểm soát nhận các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Báo cáo tình hình nhiệm vụ, kế hoạch và các biện pháp thực hiện; đồng thời xem xét chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc điều hành.

Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về việc thực hiện nghị quyết của đại hội cổ đông năm 2021

- ❶ Trong năm 2021 Ban Kiểm Soát không nhận được đơn thư khiếu nại nào của các cổ đông về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, về sự điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động của công ty, các văn bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật doanh nghiệp và Điều lệ.
- ❷ Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh : Năm 2021 chúng ta không hoàn thành chỉ tiêu “*Giá trị sản lượng sản xuất*” và “*Doanh thu sản xuất- kinh doanh*” . Nguyên nhân chính là:
 - ✓ Do ảnh hưởng của chủ trương phong tỏa, giãn cách xã hội để phòng chống đại dịch COVID – 19 bùng phát lần thứ 4 trên toàn quốc đã làm chuỗi cung ứng bị đứt gãy , vận chuyển ngưng trệ dẫn đến doanh số bán hàng bị suy giảm.
 - ✓ Dây chuyền GMP EU chưa được thẩm định và chưa đưa vào hoạt động theo đúng kế hoạch , do vậy không tạo ra SP đạt chuẩn EU có giá trị cao trong sản xuất.
 - ✓ Hệ thống phân phối theo chiến lược kinh doanh mới toàn quốc đã triển khai được 4 năm, song do sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần trong Ngành dược dẫn đến doanh số của nhóm hàng kinh doanh thương mại ủy quyền thầu qua HDPHARMA, nhóm hàng gia công cho khách hàng gia công bị giảm đáng kể.
- ❸ Chi trả cổ tức 26% theo vốn góp, tương đương với số tiền 25.999.397.000 đồng; Trong đó trả cổ tức bằng cổ phiếu là 20% với số tiền là : 19.999.430.000đ và bằng tiền mặt là 6% với số tiền là : 5.999.967.000đ

- ❶ Trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận.
- ❷ Lựa chọn công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021
- ❸ Thực hiện xong việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức với số lượng 1.999.943 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đ/1 cổ phiếu, đồng thời đã thực hiện đăng ký lưu ký cho số cổ phiếu trên, nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông trong việc giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM.
- ❹ Về việc triển khai và đưa dự án vào hoạt động:
 - ✓ Tháng 4 năm 2021 đã đưa vào hoạt động các dây chuyền đạt tiêu chuẩn GMP – WHO.
 - ✓ Việc thẩm định tiêu chuẩn GMP-EU cho dây chuyền sản xuất Thuốc viên, cốm, sủi không chứa kháng sinh Betalactam, do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 sau 2 năm bị trễ với rất nhiều nỗ lực của HĐQT đến tháng 4/2022 vừa qua Đoàn chuyên gia của EU đã chấp thuận và thẩm định dây chuyền GMP EU bằng hình thức ONLINE và dự kiến trong quý II /2022 sẽ có giấy chứng nhận GMP EU để đưa dây chuyền vào hoạt động.
- ❺ Công tác xây dựng Chi nhánh:
 - ✓ Năm 2021 đã quyết toán đưa vào sử dụng nhà văn phòng và bán hàng chi nhánh tại Hà Nội với tổng đầu tư : 11.374.965.903đ.
 - ✓ Năm 2021 đã đầu tư mua đất nền với diện tích :198m², tổng giá trị đất : 6 tỷ đồng và đang chuẩn bị hoàn thiện các thủ tục xây dựng nhà Văn phòng và bán hàng tại Thành Phố Cần Thơ với tổng dự toán công trình : 7,7 tỷ, với mục tiêu hoàn thiện các chi nhánh phân phối lớn cho từng vùng, miền của công ty để thực hiện chiến lược kinh doanh toàn quốc, xây dựng hệ thống kinh doanh ổn định và phát triển trong tương lai.
- ❻ Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS: năm 2021 Công ty đã chi trả thù lao đầy đủ cho các thành viên HĐQT và BKS theo qui định cũng như định mức đã được ĐHĐCĐ 2021 phê duyệt.

LƯƠNG THUỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập năm 2021		
		Thù lao	Thu nhập	Tổng thu nhập
Hội đồng quản trị				
Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	305.740.300	145.260.199	451.000.499
Nguyễn Thị Tú Anh	UV HĐQT	305.740.300	377.419.773	683.160.073
Trần Phúc Dương	UV HĐQT	305.740.300	0	305.740.300
Ban Kiểm Soát				
Phạm Thị Thủy	Trưởng BKS	101.913.300	158.827.095	260.804.012
Trần Kim Cương	TV. BKS	101.913.300	82.339.750	184.253.050
Nguyễn Thị Hương Lan	TV. BKS	101.913.300	187.827.095	289.740.395
Tổng cộng		1.222.960.800	951.737.529	2.174.698.329

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN (thay đổi do phát hành cổ phiếu trả cổ tức + mua thêm cổ phiếu)

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	4.056.300	40,56	4.877.160	40,64%
Trần Mai Lan	Là vợ Chủ tịch HĐQT	1.638.737	16,39%	1.966.484	16,39%
Bà Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT/TGĐ	400.800	4,01%	480.960	4,01%
Nguyễn Trung Nam	Em trai Tổng Giám đốc	150.500	1,51%	180.600	1,51%
Ông Vũ Văn Xuyên	Chồng Tổng Giám đốc	230.750	2,31%	276.900	2,31%
Ông Trần Phúc Dương	Giám đốc khu vực Miền Nam	406.125	4,06%	487.350	4,06%
Ông Đỗ Ngọc Sơn	Phó Tổng GD	10.000	0,1%	58.544	0,49%
Bà Phạm Thị Thủy	Trưởng BKS	25.000	0,25%	30.000	0,25%
Bà Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên BKS	4.725	0,25%	5.670	0,05%
Ông Trần Kim Cương	Thành viên BKS	33.312	0,33%	39.974	0,33%
Trần Văn Oanh	Bố Ông Trần Kim Cương - TVBKS	98.312	0,98%	117.974	0,98%
Phạm Thị Nhạn	Mẹ đẻ Ông Trần Kim Cương	27.045	0,27%	32.490	0,27%
Chu Văn Long	Kế Toán Trưởng	36.012	0,36%	43.214	0,36%
Hồ Thị Ngọc Thanh	Vợ Ông Chu Văn Long	24.100	0,24%	28.920	0,24%

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2021



THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu báo cáo

Báo cáo phát triển Bền vững của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương được ghép chung trong Báo cáo thường niên để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng và nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Hải Dương, các chính sách liên quan đến môi trường xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

Mục tiêu

Báo cáo Phát triển Bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo Thường niên nhằm giúp các nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của Công ty ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp, đánh giá các hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

Cách thức xác định nội dung báo cáo

Báo cáo thường được xây dựng dựa theo hướng dẫn tiêu chuẩn của tổ chức sang kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn “Cốt lõi” và hướng dẫn làm BCTN tại thông tư 96/2020/TT- BTC của bộ Tài chính. Dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty, báo cáo đưa ra các vấn đề trọng yếu của Công ty có tác động đáng kể đến kinh tế, xã hội và môi trường.

Kỳ báo cáo

Báo cáo được lập cho năm tài chính 2021, bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 31/12/2021. Bắt đầu từ năm 2016, Công ty đã tiến hành lập Báo cáo phát triển Bền vững định kỳ hàng năm và công bố cùng với Báo cáo Thường niên theo quy định tại thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập cho phạm vi hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương, Các đơn vị thành viên trong lĩnh vực dược phẩm và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Tính đảm bảo của báo cáo

Công ty tham khảo và áp dụng các chuẩn mực trong nước và quốc tế để công bố thông tin, số liệu trong báo cáo. Ngoài ra, một số dữ liệu về hoạt động của Công ty được nêu ra trong báo cáo còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu. Một số dữ liệu được đảm bảo bởi bên thứ ba:

- Các thông tin tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.
- Một số chứng chỉ quan trọng trong lĩnh vực Dược phẩm.

Địa chỉ liên hệ nếu có câu hỏi:

Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Địa chỉ: Số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, Tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0220.3853.848

Fax: 0220.3853.848

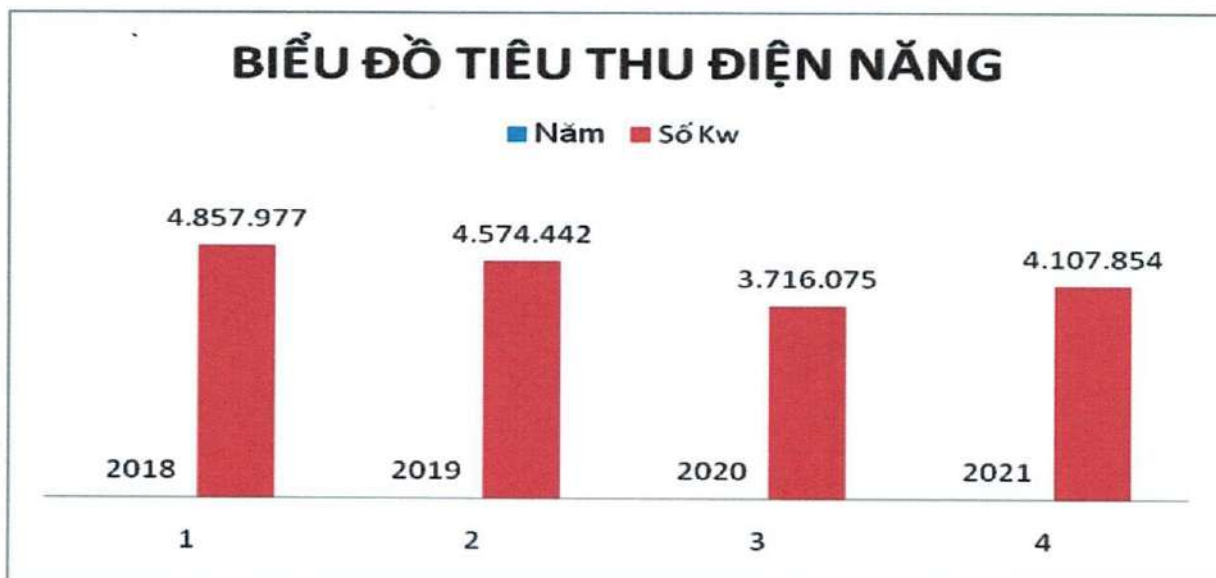
Email: info@hdpharma.vn

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty đang trên đà phát triển và mở rộng quy mô trong những năm gần đây dẫn đến việc mức tiêu thụ năng lượng tăng lên.

Hiện Công ty sử dụng điện cho Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương cung cấp. Sản lượng tiêu thụ qua các năm như bảng sau:

Năm	Số Kw
2018	4.857.977
2019	4.574.442
2020	3.716.075
2021	4.107.854



Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Công ty hiện tại đang áp dụng rất tốt chính sách tiết kiệm điện. Với mục tiêu quán triệt cho toàn thể CBNV Công ty tự ý thức tiết kiệm điện, thực hiện tiết kiệm điện tại cơ quan và gia đình, Công ty đã chú trọng xây dựng các giải pháp và quy định sử dụng điện như:

- ❶ Ngắt nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị khi hết giờ làm việc
- ❷ Tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên
- ❸ Chỉ sử dụng điều hòa nhiệt độ khi thật cần thiết
- ❹ Cài đặt chế độ làm mát từ 25 độ C trở lên
- ❺ Khi cải tạo hoặc trang bị mới phải sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định hoặc thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng...

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn nước của Công ty được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Nước sạch Hải Dương. Khối lượng nước tiêu thụ như bảng sau:

Sử dụng năm 2020		Sử dụng năm 2021	
Khối lượng (m3)	Chi phí	Khối lượng (m3)	Chi phí
63.147	961.413.075	64.799	986.564.775

Công ty vẫn luôn luôn chú trọng đến chính sách tiết kiệm nước và luôn luôn quán triệt cho toàn thể CBNV Công ty tự ý thức việc sử dụng tiết kiệm nước, thực hiện tiết kiệm tài nguyên nước tại cơ quan cũng như gia đình và ngoài xã hội.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Tiêu chí	Số lượng 2021 (người)	Tỷ trọng 2021 (%)
I	Theo trình độ lao động		100%
11	Trình độ Đại học và trên Đại học	198	24,2%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	557	68,1%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	32	3,9%
4	Lao động phổ thông	31	3,8%
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	580	70,9%
2	Lao động gián tiếp	238	29,1%
III	Theo giới tính		
1	Nam	356	43,5%
2	Nữ	462	56,5%
IV	Theo chức vụ		
1	Quản lý	48	5,87%
2	Văn phòng + Khối kinh doanh	556	67,97%
3	Công nhân	214	26,16%

Ban lãnh đạo Công ty hiểu rằng, con người là nhân tố quyết định thành bại của doanh nghiệp. Trong thời gian qua, Công ty đã nỗ lực hết sức mình để tạo ra một môi trường làm việc tốt, bảo đảm quyền lợi cho CBNV, tuân thủ quy định của pháp luật về người lao động. Hơn thế nữa, Công ty là doanh nghiệp có trụ sở chính tại Tỉnh Hải Dương không phải tại Thành phố lớn hay TP trực thuộc trung ương nên công tác tuyển dụng có gặp những khó khăn nhất định. Chính vì thế, Công ty luôn áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động, nhất là đối

với những lao động có kinh nghiệm và thâm niên lâu dài tại Công ty.

Người lao động làm việc tại Công ty được tham gia BHXH-BHYT-BHTN theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra, Công ty còn thưởng thêm ngoài tiền lương cho người lao động vào các ngày Lễ, Tết; tặng tiền/ quà nhân ngày sinh nhật, hỗ trợ tiền điện thoại cho Cán bộ quản lý và cán bộ một số đơn vị; có chính sách hỗ trợ thêm đối với lao động nữ sinh con và nuôi con nhỏ (hỗ trợ tiền khi sinh con, giảm thời gian làm việc,...), khám sức khỏe định kỳ cho người lao động,...



Vào các dịp Lễ, công ty phối hợp với các đoàn thể khác tổ chức giải thể thao, văn hóa văn nghệ, tổ chức tham quan du lịch cho CBCNV; gặp mặt, khen thưởng cho con em CBCNV có thành tích học tập tốt, tặng quà nhân ngày tết Thiếu nhi, Trung thu, gặp mặt, giúp đỡ, động viên những CBCNV có hoàn cảnh khó khăn,...



Bà Nguyễn Thị Lan Anh, Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh trao Bằng khen của Tổng LĐLĐ Việt Nam cho tập thể Công đoàn Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế và Công đoàn Trung tâm y tế thị xã Chí Linh



Công tác đảm bảo an toàn

Thành lập Hội đồng an toàn vệ sinh lao động của Công ty, Hội đồng xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động cho từng năm, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn. Mạng lưới an toàn vệ sinh được xây dựng đến từng tổ sản xuất, tham gia các lớp huấn luyện do Công ty và Sở lao động thương binh và xã hội tổ chức. Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn, quy định về phòng cháy chữa cháy trong quá trình sản xuất. Các loại vật liệu dễ cháy, nổ có nơi cất giữ riêng biệt.

Kho chứa, bình đựng được bảo đảm thiết kế bộ phận an toàn, có thiết kế thiết bị theo dõi nhiệt độ, báo cháy, bố trí mạng lưới đường ống dẫn nước phòng cháy đến tất cả các phân xưởng sản xuất, đặc các họng cứu hỏa tại các điểm gần khu sản xuất, nhà kho. Xây dựng đội phòng chống cháy nổ đảm nhiệm công tác phòng cháy chữa cháy cho khu vực Công ty. Đội phòng cháy chữa cháy luôn được tập huấn theo định kỳ. Tất cả công nhân trực tiếp làm việc trong các bộ phận có khả năng xảy ra cháy nổ. Bên cạnh đó, Công ty luôn có phương án phòng cháy chữa cháy được Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy – Công an Tỉnh Hải Dương thẩm duyệt ngay từ khi xây dựng và đưa vào sử dụng. Các họng lấy nước cứu hỏa bố trí đều khắp trong khu vực nhà ở dọc theo các trục đường giao thông và hành lang công trình kết hợp bố trí các dụng cụ chữa cháy như bình CO2, bình bột,... đặt ở những địa điểm thao tác thuận lợi trong các công trình.



Duy trì hoạt động của Tổ quản lý môi trường

Tổ quản lý môi trường được thành lập với trách nhiệm quản lý môi trường chung trong toàn khu vực Công ty. Tổ quản lý môi trường có trách nhiệm điều tra, giám sát và đôn đốc các cán bộ nhân viên trong Công ty giữ gìn vệ sinh môi trường, kiểm tra giám sát các nguy cơ gây sự cố môi trường. Lập kế hoạch tư vấn giám sát môi trường trong khu vực sản xuất cũng như các khu vực xung quanh theo định kỳ và chịu trách nhiệm về các vấn đề môi trường liên quan khác

Hoạt động đào tạo

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch và yêu cầu thực tế của các đơn vị, Công ty tổ chức đào tạo bồi dưỡng và nâng cao chuyên môn cho người lao động

- Hoạt động đào tạo nội bộ: do Cán bộ quản lý của Công ty trực tiếp giảng dạy. Đối tượng là CBCNV, người lao động làm việc tại các phòng, ban, phân xưởng liên quan trực tiếp đến sản xuất (đào tạo về GMP, ATVSLEĐ, PCCC...)



- Công ty cử cán bộ tại các phòng/ban liên quan tham dự các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên môn sâu do các cơ quan, đơn vị cấp trên tổ chức trong nhiều lĩnh vực: kiểm nghiệm, đảm bảo chất lượng, công tác nghiên cứu, công tác kế toán, công tác tiền lương, nghiệp vụ bảo hiểm, an toàn lao động...

- Công ty mời các đơn vị về đào tạo cho cán bộ: các lớp đào tạo kỹ năng bán hàng, đào tạo chuyên sâu về an toàn vệ sinh lao động.



TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Song song với việc sản xuất kinh doanh của Công ty, được sự quan tâm của Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty, trong những năm qua, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội để chung tay đẩy mạnh phát triển xã hội:

- Đóng góp từ thiện nhân đạo cho các tổ chức, đoàn thể xã hội như: Đoàn thanh niên, Liên đoàn LĐ.
- Ủng hộ người nghèo, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.
- Phối hợp cùng các đơn vị trong ngành Y tế Hải Dương tổ chức khám bệnh và cấp phát thuốc miễn phí cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, Hỗ trợ các bệnh viện về các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc khám chữa bệnh,...
- Trích nộp các quỹ: Vì người nghèo, Quỹ chất độc da cam,... đầy đủ.

Hình ảnh Công ty trao quà ủng hộ phong trào phòng chống dịch bệnh Covid – 19 cho MTTQ tỉnh HD







Nhận bằng khen của UBND tỉnh DN có thành tích trong công tác phòng chống dịch Covid – 19 năm 2021





Bà Tổng Giám Đốc Nguyễn Thị Tú Anh nhận Bằng Khen UBND tỉnh Hải Dương cho công ty có thành tích tiêu biểu trong công tác phòng chống dịch Covid – 19

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10-31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được chuyển đổi từ Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương theo Quyết định số 5943/QĐ/UB ngày 17/12/2002 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000046 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 04 tháng 04 năm 2003, thay đổi lần thứ 18 ngày 25 tháng 06 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 0800011018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**Hội đồng quản trị**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông: Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT
Ông: Trần Phúc Dương	Ủy viên HĐQT
Bà: Nguyễn Thị Tú Anh	Ủy viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Bà: Nguyễn Thị Tú Anh	Tổng Giám đốc
Ông: Vũ Văn Xuyên	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02/11/2021)
Ông: Đỗ Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đặng Văn Việt	Giám đốc chất lượng
Ông: Phạm Văn Quý	Giám đốc sản xuất
Ông: Phạm Văn Năm	Giám đốc kinh doanh

Ban Kiểm soát

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Bà: Phạm Thị Thủy	Trưởng ban
Ông: Trần Kim Cương	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức niêm yết, tổ chức phát hành và kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hải Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2022

TM Ban Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được lập ngày 28/02/2022 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRẦN TRÍ DŨNG

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số: 0895-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2022

ĐỖ THỊ DUYÊN

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số: 3642-2021-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		234.039.057.867	248.046.794.242
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	18.834.364.200	15.995.539.706
1. Tiền	111		18.834.364.200	15.995.539.706
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		122.412.186.886	147.830.203.897
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	118.821.440.568	144.025.119.813
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	3.269.079.430	3.057.029.085
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	321.666.888	748.054.999
IV. Hàng tồn kho	140		91.173.186.341	77.808.418.498
1. Hàng tồn kho	141	V.05	91.173.186.341	77.808.418.498
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.619.320.440	6.412.632.141
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	-	90.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.619.320.440	6.322.632.141
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		328.320.597.751	344.413.840.791
I. Tài sản cố định	220		314.335.656.519	322.438.813.241
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	293.897.454.105	301.086.251.959
- Nguyên giá	222		445.763.998.716	433.659.144.226
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(151.866.544.611)	(132.572.892.267)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	20.438.202.414	21.352.561.282
- Nguyên giá	228		25.557.287.846	24.888.287.846
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(5.119.085.432)	(3.535.726.564)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	2.264.358.370	21.705.091.725
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.264.358.370	21.705.091.725
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
IV. Tài sản dài hạn khác	260		11.720.582.862	269.935.825
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	11.720.582.862	269.935.825
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		562.359.655.618	592.460.635.033

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		191.058.897.022	244.460.098.139
I. Nợ ngắn hạn	310		188.101.809.169	167.332.617.588
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	85.465.635.368	94.411.110.784
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	6.476.905.305	5.258.644.607
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.936.438.122	2.987.400.024
4. Phải trả người lao động	314		5.790.678.571	3.732.208.861
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	685.932.191	379.395.693
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	294.772.728	212.045.454
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	632.863.847	732.863.847
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	78.158.834.913	51.788.705.588
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.659.748.124	7.830.242.730
II. Nợ dài hạn	330		2.957.087.853	77.127.480.551
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	2.431.682.833	76.113.173.763
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		525.405.020	1.014.306.788
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		371.300.758.596	348.000.536.894
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	371.300.758.596	348.000.536.894
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.998.880.000	99.999.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.998.880.000	99.999.450.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.720.000.000	28.720.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		174.594.214.888	174.594.214.888
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.987.663.708	44.686.872.006
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		18.623.139.603	16.328.023.547
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		29.364.524.105	28.358.848.459
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		562.359.655.618	592.460.635.033

Hải Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu

Trần Quốc Tuấn

Kế toán trưởng

Chu Văn Long

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tú Anh

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	621.790.987.617	644.658.019.806
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.603.175.601	3.963.399.817
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	620.187.812.016	640.694.619.989
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	452.354.625.777	471.745.481.826
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		167.833.186.239	168.949.138.163
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	133.943.814	47.527.410
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	7.931.262.279	13.033.225.773
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.135.967.443	11.187.528.034
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	59.199.407.339	53.755.329.199
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	66.394.724.185	66.566.780.668
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.441.736.250	35.641.329.933
11. Thu nhập khác	31	VI.8	2.804.564.164	658.449.436
12. Chi phí khác	32	VI.9	73.341.894	374.728.755
13. Lợi nhuận khác	40		2.731.222.270	283.720.681
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.172.958.520	35.925.050.614
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	7.550.883.705	7.351.720.330
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		29.622.074.815	28.573.330.284
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.733	3.103
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	2.733	3.103

Hải Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu



Trần Quốc Tuấn

Kế toán trưởng



Chu Văn Long

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tú Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	37.172.958.520	35.925.050.614
2. Điều chỉnh cho các khoản		28.100.406.788	24.799.143.575
- Khấu hao tài sản cố định	02	21.989.485.228	13.657.762.926
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(25.045.883)	(46.147.385)
- Chi phí lãi vay	06	6.135.967.443	11.187.528.034
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu		65.273.365.308	60.724.194.189
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	30.121.328.712	27.295.247.946
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(13.364.767.843)	2.495.123.472
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	6.220.240.329	(17.715.815.922)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(11.360.647.037)	1.133.591.727
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.135.967.443)	(11.187.528.034)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.212.188.930)	(4.782.066.950)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(170.494.606)	(388.391.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	62.370.868.490	57.574.355.153
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.245.761.274)	(23.392.837.347)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	20.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.045.883	46.147.385
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.220.715.391)	(23.326.689.962)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	145.255.543.987	113.613.230.826
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(192.566.905.592)	(152.630.226.941)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.999.967.000)	(4.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(53.311.328.605)	(43.016.996.115)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.838.824.494	(8.769.330.924)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.995.539.706	24.764.870.630
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	18.834.364.200	15.995.539.706

Người lập biểu

Trần Quốc Tuấn

Kế toán trưởng

Chu Văn Long

Hải Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tú Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Năm 2021****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được chuyển đổi từ Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương theo Quyết định số 5943/QĐ/UB ngày 17/12/2002 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000046 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 04 tháng 04 năm 2003, thay đổi lần thứ 18 ngày 25 tháng 06 năm 2021 với mã số doanh nghiệp là 0800011018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 119.998.880.000 đồng (Một trăm mười chín tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty tại số 102, phố Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Tổng số lao động của Công ty tại 31/12/2021 là: 752 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, kinh doanh thuốc, hóa dược và dược liệu.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc chữa bệnh, dược liệu, hóa chất và tinh dầu;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất vật tư y tế;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Bán buôn thực phẩm khác. Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp). Chi tiết: Bán buôn hóa chất dùng cho sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, phục vụ công tác kiểm nghiệm, dùng cho bệnh viện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, vật tư y tế;
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn tinh dầu, dược liệu, kính mắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ tinh dầu, dược liệu, máy móc - thiết bị y tế, hóa chất dùng cho sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, phục vụ công tác kiểm nghiệm, hóa chất dùng cho bệnh viện;
- Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Trồng cây dược liệu; Chăn nuôi khác. Chăn nuôi tắc kè, rắn (được Nhà nước cho phép);
- In ấn;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y, dược, mỹ phẩm và thực phẩm; dịch vụ kiểm tra chất lượng dược phẩm, thực phẩm chức năng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý. Chi tiết: Đại lý mua bán thuốc chữa bệnh, hóa mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế, thiết bị y tế, kính mắt, dược liệu, tinh dầu, hóa chất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà làm văn phòng, địa điểm kinh doanh, cửa hàng, nhà kho, nhà ở, bến bãi;
- Khách sạn; Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp;
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất rượu vang; Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn bia, rượu, nước giải khát;
- Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, phần lớn khối văn phòng và khối sản xuất của Công ty được đặt tại địa chỉ 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Ngoài ra, Công ty có 9 chi nhánh trực thuộc trong và ngoài tỉnh:

- | | |
|-------------------------|------------------------------------|
| 1. Chi nhánh Cẩm Giàng | 6. Chi nhánh Miền Trung |
| 2. Chi nhánh Hà Nội | 7. Chi nhánh Tứ Kỳ |
| 3. Chi nhánh Thanh Miện | 8. Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4. Chi nhánh Ninh Giang | 9. Chi nhánh Hải Dương 1 |
| 5. Chi nhánh Chí Linh | |

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư số 53/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) được xác định như sau:

- Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;

- Trường hợp không xác định được lãi suất ngân hàng thương mại cho vay nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất Công ty có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng khế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường.

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

b. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

c. Đầu tư vào Công ty con; Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của

các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

5. Nguyên tắc kế toán phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố

của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định vào tuổi nợ của các khoản nợ quá hạn và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên

quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 26 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 05 - 08 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:
 - Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
 - Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
 - Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của

ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm

trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;

- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán

kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền		31/12/2021	01/01/2021		
Tiền mặt tại quỹ		1.936.297.225	1.749.477.699		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		16.898.066.975	14.246.062.007		
Cộng		18.834.364.200	15.995.539.706		
2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn		31/12/2021	01/01/2021		
a) Phải thu khách hàng		118.821.440.568	144.025.119.813		
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương		12.619.191.306	8.616.523.919		
- Bệnh viện Tâm thần Hải Dương		204.419.214	188.718.447		
- Bệnh viện Phổi Hải Dương		2.327.299.628	1.893.861.252		
- Công ty cổ phần Thanh Dược		1.343.249.038	2.642.996.055		
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh		-	3.302.253.738		
- Công ty TNHH Golden Health USA		8.170.022.698	8.135.957.689		
- Bệnh viện quân y 7 - Cục hậu cần - Quân khu 3		551.244.227	2.176.715.749		
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gia Hiền		14.850.672	2.959.916.399		
- Các khách hàng khác		93.591.163.785	114.108.176.565		
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		-	-		
Cộng		118.821.440.568	144.025.119.813		
3 . Trả trước người bán ngắn hạn		31/12/2021	01/01/2021		
a) Trả trước cho người bán		3.269.079.430	3.057.029.085		
- Công ty TNHH KT cơ điện lạnh Quý Long		-	770.206.910		
- Công ty cổ phần thiết bị MPM		947.260.000	-		
- Công ty TNHH Nhất Lộ Phát 168		305.448.000	-		
- Công ty cổ phần ETACONS		-	1.032.737.613		
- HUIZHOU PINGFANG TRADING CO;LTD		1.032.861.440	-		
- Trả trước cho người bán khác		983.509.990	1.254.084.562		
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan		-	-		
Cộng		3.269.079.430	3.057.029.085		
4 . Phải thu ngắn hạn khác		31/12/2021	01/01/2021		
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác, trong đó:		73.421.378	-	310.297.912	-
- Phải thu ngắn hạn khác		73.421.378	-	310.297.912	-
Tạm ứng		149.519.830	-	393.747.297	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn		98.725.680	-	44.009.790	-
Cộng		321.666.888	-	748.054.999	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	45.569.900.195	-	37.531.019.138	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.599.684.722	-	8.254.508.078	-
Thành phẩm	32.773.990.080	-	22.343.430.678	-
Hàng hóa	6.229.611.344	-	9.679.460.604	-
Cộng	91.173.186.341	-	77.808.418.498	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2021: 0 đồng;

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 31/12/2021: 0 đồng;

6 . Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	90.000.000
Cộng	-	90.000.000

7 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu năm	153.828.050.470	257.138.982.546	18.898.763.310	3.793.347.900	433.659.144.226
Số tăng trong năm	11.374.965.903	2.283.697.174	-	70.909.091	13.729.572.168
- Mua trong năm		2.283.697.174	-	70.909.091	2.354.606.265
- Đầu tư XDCB hoàn thành	11.374.965.903				11.374.965.903
Số giảm trong năm	-	1.109.592.500	-	515.125.178	1.624.717.678
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.109.592.500	-	515.125.178	1.624.717.678
Số dư cuối năm	165.203.016.373	258.313.087.220	18.898.763.310	3.349.131.813	445.763.998.716
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	38.698.016.578	75.699.233.218	14.382.294.571	3.793.347.900	132.572.892.267
Số tăng trong năm	4.376.770.220	14.680.552.832	1.836.656.689	1.048.387	20.895.028.128
- Khấu hao trong năm	4.376.770.220	14.680.552.832	1.836.656.689	1.048.387	20.895.028.128
Số giảm trong năm	-	1.086.250.606	-	515.125.178	1.601.375.784
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.086.250.606	-	515.125.178	1.601.375.784
Số dư cuối năm	43.074.786.798	89.293.535.444	16.218.951.260	3.279.271.109	151.866.544.611
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	115.130.033.892	181.439.749.328	4.516.468.739	-	301.086.251.959
Tại ngày cuối năm	122.128.229.575	169.019.551.776	2.679.812.050	69.860.704	293.897.454.105

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2021 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 101.384.493.427

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hình thành từ quỹ phát triển khoa học công nghệ: 2.473.297.526

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSVH khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.651.287.846	4.237.000.000	24.888.287.846
Số tăng trong năm	-	669.000.000	669.000.000
- Mua trong năm	-	669.000.000	669.000.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	20.651.287.846	4.906.000.000	25.557.287.846
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.399.937.490	1.135.789.074	3.535.726.564
Số tăng trong năm	-	1.583.358.868	1.583.358.868
- Khấu hao trong năm	-	1.583.358.868	1.583.358.868
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	2.399.937.490	2.719.147.942	5.119.085.432
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	18.251.350.356	3.101.210.926	21.352.561.282
Tại ngày cuối năm	18.251.350.356	2.186.852.058	20.438.202.414

9 . Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.264.358.370	21.705.091.725
- Chi phí khảo sát thiết kế nhà VP CN tại Hà Nội	-	9.857.607.490
- Chi phí TV tiêu chuẩn EU GMP của DA nhà máy Cẩm Thượng	-	11.847.484.235
- Chi phí đầu tư xây dựng Nhà văn phòng và bán hàng CN Cần Thơ	48.771.818	-
- Giá trị quyền sử dụng đất L09-54 và L09-53 Tại Cần Thơ	2.215.586.552	-
Cộng	2.264.358.370	21.705.091.725

10 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
- Chi phí tư vấn GMP WHO và GMP EU Nhà máy Cẩm Thượng	11.045.956.382	-
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	674.626.480	269.935.825
Cộng	11.720.582.862	269.935.825

11 . Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công Ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Y Tế	-	-	2.682.333.695	2.682.333.695
- Công ty CP FRESENIUS KABI VIỆT NAM	1.784.594.235	1.784.594.235	1.413.449.344	1.413.449.344
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Thuận An Phát	5.040.821.043	5.040.821.043	2.584.444.383	2.584.444.383
- Công ty TNHH TM Dược phẩm Vạn Xuân	3.102.664.759	3.102.664.759	3.222.664.759	3.222.664.759
- Công ty TNHH Dược phẩm CAMLY	438.910.041	438.910.041	8.294.330.161	8.294.330.161
- Công Ty Cổ Phần Dược Á Châu	8.251.029.126	8.251.029.126	-	-
- Công ty TNHH TM Và Sản Xuất Đông Âu	1.627.353.582	1.627.353.582	2.157.649.549	2.157.649.549
- Công ty TNHH Đức Tấn Sài Gòn	1.664.504.204	1.664.504.204	1.460.703.585	1.460.703.585
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Hoàng Hà	3.294.795.760	3.294.795.760	-	-
- Công ty TNHH Golden Health USA	665.149.646	665.149.646	900.832.716	900.832.716
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	59.595.812.972	59.595.812.972	71.694.702.592	71.694.702.592
Cộng	85.465.635.368	85.465.635.368	94.411.110.784	94.411.110.784

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
- Công ty TNHH TOPHACO Việt Nam	-	146.550.126
- Công ty TNHH Thương mại Nga Việt	26.152.500	928.000.000
- Summer Jordan for Storage & General Trading	-	480.962.391
- Công ty TNHH Rostex Pharma USA	-	385.190.250
- Công ty Cổ phần World Roche	378.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dược VP-PHARM	299.500.000	-
- Công ty TNHH Golden Health USA	1.608.810.227	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	4.164.442.578	3.317.941.840
Cộng	6.476.905.305	5.258.644.607

13 . Thuế và các khoản phải nộp, phải thu nhà nước

	01/01/2021		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/được bù trừ trong năm	31/12/2021	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	45.004.049.195	45.004.049.195	-	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	504.887.031	504.887.031	-	-
Thuế TNDN (*)	-	2.816.132.812	7.550.883.705	8.411.190.030	-	1.955.826.487
Thuế thu nhập cá nhân	-	171.267.212	1.033.578.524	762.327.940	-	442.517.796
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	-	1.453.709.962	915.616.123	-	538.093.839
Các loại thuế khác	-	-	39.000.000	39.000.000	-	-
Cộng	-	2.987.400.024	55.586.108.417	55.637.070.319	-	2.936.438.122

(*) Trong đó, thuế TNDN đã thực nộp trong năm:

- Thuế TNDN đã nộp vào NSNN:	8.212.188.930
- Thuế TNDN được miễn giảm (phần chi cho lao động nữ):	199.001.100
Cộng	8.411.190.030

Thuế TNDN phải nộp trong năm:

- Thuế TNDN phải nộp năm 2021	7.548.483.705
- Thuế TNDN điều chỉnh ở chi nhánh	2.400.000
Cộng	7.550.883.705

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
Tiền lương hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký	146.689.091	194.000.000
Chi phí phải trả khác	539.243.100	185.395.693
Cộng	685.932.191	379.395.693
15 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
Cho thuê văn phòng	294.772.728	212.045.454
Cộng	294.772.728	212.045.454
16 . Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2021	01/01/2021
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	632.863.847	732.863.847
+ Phải trả phải nộp khác	632.863.847	732.863.847
Cộng	632.863.847	732.863.847

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

17 . Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2021	Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/01/2021
17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	78.158.834.913	145.255.543.987	118.885.414.662	51.788.705.588
a, Vay ngắn hạn	78.158.834.913	145.255.543.987	118.885.414.662	51.788.705.588
NH TMCP Quân đội - CN Hải Dương	-	-	3.244.848.193	3.244.848.193
Ngân hàng TMCP Công thương Hải Dương (1)	27.947.352.375	55.410.552.124	42.178.602.089	14.715.402.340
NH TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương (2)	12.104.235.272	12.104.235.272	14.007.043.279	14.007.043.279
BIDV Chi nhánh Trần Hưng Đạo (3)	37.676.247.266	77.740.756.591	59.210.421.101	19.145.911.776
Vay cán bộ nhân viên	431.000.000	-	244.500.000	675.500.000
17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.431.682.833	-	73.681.490.930	76.113.173.763
a, Vay dài hạn	2.431.682.833	-	73.681.490.930	76.113.173.763
NH TMCP Ngoại thương - CN Hải Dương (4)	-	-	73.536.400.130	73.536.400.130
Vay cán bộ nhân viên	2.431.682.833	-	145.090.800	2.576.773.633
b, Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
17.3 Số có khả năng trả nợ	80.590.517.746			127.901.879.351
a, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	78.158.834.913			51.788.705.588
b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.431.682.833			76.113.173.763

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính:

(1) Hợp đồng tín dụng số 26.10/CNHD9/2021/HĐCVHM/NHCT340-DUOCVITYT ngày 29/10/2021; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế thiết bị; Hạn mức cho vay: 40.000.000.000; Lãi suất cho vay quy định cụ thể trên giấy nhận nợ theo từng lần giải ngân; Thời hạn cho vay: Không quá 6 tháng kể từ lần giải ngân; Thời hạn duy trì hạn mức: Từ 29/10/2021 đến 29/10/2022.

(2) Hợp đồng tín dụng số 428755621 ngày 23/8/2021; Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng; Mục đích: Đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư thiết bị y tế; Thời hạn : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ.

(3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/222776/HĐTD ngày 31/05/2021, tại trụ sở ngân hàng TMCP BIDV chi nhánh Hải Dương số 02 đường Lê Thanh Nghị, Phường Phạm Ngũ Lão; Hạn mức cấp tín dụng: 80.000.000.000 đồng; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở LC; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng thế chấp số 01/2019/222776/HĐBĐ, Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 01/2020/222776/HĐBĐ,....

(4) Hợp đồng cho vay số 170114/NHMTHTD ngày 24/11/2017 để đầu tư Dự án nhà máy HDPHARMA EU sản xuất thuốc Đông Dược, Nang mềm Đạt tiêu chuẩn GMP-WHO và thuốc viên cốm sủi không chứa kháng sinh beta lactam đạt tiêu chuẩn GMP-EU. Số tiền cho vay tối đa: 210 tỷ đồng nhưng tối đa không vượt mức 70% tổng mức đầu tư của dự án. Thời hạn cho vay: 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là : lãi suất cố định bằng lãi suất cơ sở cộng mức biên là 2%/năm.

18 . Vốn chủ sở hữu**18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục số 01)****18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2021	01/01/2021
Vốn góp của các cổ đông	119.998.880.000	99.999.450.000
Cộng	119.998.880.000	99.999.450.000

18.3. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	99.999.450.000	80.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	19.999.430.000	19.999.450.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	119.998.880.000	99.999.450.000

18.4. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.888	9.999.945
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	11.999.888	9.999.945
- Cổ phiếu phổ thông	11.999.888	9.999.945
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.888	9.999.945
- Cổ phiếu phổ thông	11.999.888	9.999.945
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

14.5. Các quỹ của doanh nghiệp:

	31/12/2021	01/01/2021
- Quỹ đầu tư phát triển	174.594.214.888	174.594.214.888

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	619.137.987.617	641.926.128.892
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.653.000.000	2.731.890.914
Cộng	621.790.987.617	644.658.019.806

2 . Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	84.784.037	20.483.489
Giảm giá hàng bán	48.765.360	187.696.807
Hàng bán bị trả lại	1.469.626.204	3.755.219.521
Cộng	1.603.175.601	3.963.399.817

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Năm nay	Năm trước
3 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm, hàng hóa	617.534.812.016	637.962.729.075
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.653.000.000	2.731.890.914
Cộng	620.187.812.016	640.694.619.989
4 . Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	452.354.625.777	471.745.481.826
Cộng	452.354.625.777	471.745.481.826
5 . Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	25.045.883	24.966.785
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		21.180.600
- Lãi chênh lệch tỷ giá	108.897.931	1.380.025
Cộng	133.943.814	47.527.410
6 . Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	6.135.967.443	11.187.528.034
- Chiết khấu thanh toán	929.644.523	852.953.450
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	865.650.313	992.744.289
Cộng	7.931.262.279	13.033.225.773
7 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	66.394.724.185	66.566.780.668
- Chi phí nhân viên quản lý	30.130.560.907	27.757.538.585
- Chi phí vật liệu quản lý	3.398.503.109	3.147.963.299
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.668.124.275	1.397.692.365
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.012.124.291	5.116.468.554
- Thuế, phí và lệ phí	1.327.525.349	1.405.628.120
- Chi phí dự phòng	7.997.971.188	8.501.613.142
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.528.854.772	5.849.410.769
- Chi phí bằng tiền khác	10.331.060.294	13.390.465.834
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	59.199.407.339	53.755.329.199
- Chi phí nhân viên bán hàng	42.980.227.196	39.474.164.028
- Chi phí vật liệu bao bì	-	-
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	14.900.000	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.203.285.501	2.150.554.708
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.031.911.122	4.978.642.123
- Chi phí bằng tiền khác	8.969.083.520	7.151.968.339
8 . Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập khác	2.804.564.164	658.449.436
Cộng	2.804.564.164	658.449.436

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9 . Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Các khoản vi phạm hành chính	50.000.000	321.359.038
- Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	23.341.894	53.369.717
Cộng	73.341.894	374.728.755
10 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
a. Lợi nhuận trước thuế	37.172.958.520	35.925.050.614
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	581.460.000	833.551.038
- Các khoản điều chỉnh tăng	581.460.000	854.731.638
+ Phạt vi phạm hành chính	50.000.000	321.359.038
+ Chi phí khấu hao tương ứng với nguyên giá TSCĐ vượt trên 1,6 tỷ đồng	531.460.000	531.460.000
+ Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ	-	1.912.600
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	21.180.600
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	21.180.600
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	37.754.418.520	36.758.601.652
d. Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
e. Điều chỉnh tăng thuế TNDN của các năm trước	-	-
f. Thuế TNDN = {(c)*(d)}+(e)	7.550.883.705	7.351.720.330
11 . Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế TNDN	29.622.074.815	28.573.330.284
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	10.838.277	9.207.617
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.733	3.103
12 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	229.507.423.697	218.727.112.952
Chi phí nhân công	96.288.411.435	90.685.719.086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.989.485.228	13.657.762.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.288.553.899	22.149.356.779
Chi phí khác bằng tiền	33.733.537.731	35.011.364.430
Cộng	407.807.411.990	380.231.316.173

VI . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

3 . Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2021:

TT	Bộ phận	Chức danh	Thu nhập
1	Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc		3.408.590.655
	- Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	451.000.499
	- Trần Phúc Dương	Ủy viên HĐQT	305.740.303
	- Nguyễn Thị Tú Anh	Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT	683.160.073
	- Vũ Văn Xuyên (miễn nhiệm ngày 02/11/2021)	Phó Tổng Giám đốc	355.530.846
	- Đỗ Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	360.411.826
	- Đặng Văn Việt	Giám đốc chất lượng	411.929.464
	- Phạm Văn Quý	Giám đốc sản xuất	434.700.605
	- Phạm Văn Năm	Giám đốc kinh doanh	406.117.039
2	Ban Kiểm soát		734.797.457
	- Phạm Thị Thủy	Trưởng ban	260.804.012
	- Trần Kim Cương	Thành viên	184.253.050
	- Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên	289.740.395
Cộng			4.143.388.112

4 . Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
4.1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
a, <i>Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	58,38%	58,13%
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	41,62%	41,87%
b, <i>Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	33,97%	41,26%
- Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	66,03%	58,74%
4.2. Khả năng thanh toán			
a, Khả năng thanh toán tổng quát	lần	2,94	2,42
b, Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,24	1,48
c, Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,76	1,02
4.3. Tỷ suất sinh lời			
a, <i>Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu</i>			
- Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	%	5,98%	5,57%
- Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	4,76%	4,43%
b, <i>Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng tài sản</i>			
- Lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%	6,61%	6,06%
- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	5,27%	4,82%
c, <i>Tỷ suất LNST/ Nguồn vốn CSH</i>	%	7,98%	8,21%

5 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên của Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

6 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Hải Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu



Trần Quốc Tuấn

Kế toán trưởng



Chu Văn Long

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tú Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2020	80.000.000.000	28.720.000.000	-	134.594.214.888	-	40.354.527.847	283.668.742.735
Tăng vốn trong năm	19.999.450.000	-	-	40.000.000.000	-	28.573.330.284	88.572.780.284
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	28.573.330.284	28.573.330.284
Tăng vốn	19.999.450.000	-	-	-	-	-	19.999.450.000
Tăng khác	-	-	-	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	24.240.986.125	24.240.986.125
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	23.999.450.000	23.999.450.000
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	241.536.125	241.536.125
Số dư tại 31/12/2020	99.999.450.000	28.720.000.000	-	174.594.214.888	-	44.686.872.006	348.000.536.894
Số dư tại 01/01/2021	99.999.450.000	28.720.000.000	-	174.594.214.888	-	44.686.872.006	348.000.536.894
Tăng vốn trong năm	19.999.430.000	-	-	-	-	29.622.074.815	49.621.504.815
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	29.622.074.815	29.622.074.815
Tăng vốn	19.999.430.000	-	-	-	-	-	19.999.430.000
Trích quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	26.321.283.113	26.321.283.113
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	25.999.397.000	25.999.397.000
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	321.886.113	321.886.113
Số dư tại 31/12/2021	119.998.880.000	28.720.000.000	-	174.594.214.888	-	47.987.663.708	371.300.758.596

